

Chương XVIII
“THIÊN HẠ ĐẠI THÁI BÌNH”:
Nguyễn Phước Tuấn (18/5/1916-6/11/1925)

Nguyễn Phước Tuấn, vua thứ tư tám gọi thiên mệnh Đại Pháp—cũng vua thứ mười hai nhà Nguyễn—là nhân vật “bị bỏ quên” trong thời Nguyễn mạc. Hầu hết các tác giả chỉ vắn tắt nêu lên bốn đặc điểm của Nguyễn Phước Tuấn: hợp tác thân thành với Pháp, (1) thích dùng chữ Hán trong các Dụ hay diễn văn,(2) bị Phó Bảng Phan Chu Trinh công kích qua Thất điều thư ngày 15/7/1922,(3) và nghị án về phụ hệ với Thái tử Vĩnh Thụy, tức vua Nguyễn Phước Điện (8/1/1926-25/8/1945), thường chỉ được biết đến qua niên hiệu Bảo Đại. (4)

1. Báo cáo số 383-AP1, ngày 24/5/1917, Sarraut gửi BTĐ; CAOM (Aix), INF, carton 18, d 166.

2. Từ năm 1918, **Nguyễn Hảo Vĩnh (1891?-1941)**, gốc Sa Đéc. một cựu sinh viên Đông độ, từng bị Pháp, kết án đầy ngày 5/9/1913, đã chỉ trích vua ưa dùng " chữ Chệt" trong diễn văn. Phạm Quỳnh kiểm duyệt bỏ một đoạn; *Nam Phong*, số 16 (10/1918), tr 198-200. Tháng 11/1918, Y sĩ Trần Văn Đôn bênh vực Nguyễn Phước Tuấn; *Ibid.*, số 17 (11/1918), tr 256-267. **Vĩnh** sau làm chủ hãng xà-bông, rồi nhà in Xua Nay..Nguyễn Xuân Chử, *Hồi Ký* (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 93-94; David G Marr, *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945* (Berkeley: Univ of California Press, 1981), p 159; [Sẽ dẫn: Nguyễn Xuân Chử 1996, Marr 1981].

3. Chính Đạo, *Hồ Chí Minh: Con Người & Huyền Thoại*, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1993, 1997), I:215-21; David J Steinberg, *et al, In Search of Southeast Asia: A Modern History* (New York: Praeger, 1971), tr. 306 Marr, *Anticolonialism*, 1971, pp 246-47;

4. Ghi Chú mật [Note confidentielle] ngày 15/2/1922 của Khâm sứ Pierre Pasquier; TTLTQG 2 (TP/HCM), RSA/HC, HS 4129. Phạm Khắc Hoè, *Từ triều đình Huế tới chiến khu Việt Bắc* (Hà Nội: 1981) dựa trên báo cáo này. Xem chi tiết ở chương sau.

Đầu năm 1926, nhóm trí thức Việt ở Pháp còn riều cọt vua với những nhời viếng sau của “Nguyễn Văn Ánh,” trên “Tự do diễn đàn của Học sinh và Lao động Việt Nam” “bằng tiếng ta, tiếng Pháp và bằng chữ Hán”:

“Nhưng tiếc cho Bộ Hạ tuổi xanh đương độ, khí huyết phương cường, cuộc truy hoan đang buổi nồng nàn, trị thiên hạ đã có người quản lý, đến việc nhà đã có văn võ bá quan, Thực là thanh nhân số một, cao quý ít kẻ bì, sao Bộ Hạ Dương trần vội lánh.” (5)

5. *Việt Nam Hồn*, số 1 (Paris), tháng 1/1926. Có chương trình bản báo [tiếng ta, tàu và Pháp] ; trích in trong Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I (1997), tr 269. Danel Hémerly ghi vào tháng 5/1923, Nguyễn Sinh Côn và Truyền xuất bản bán nguyệt san *Việt Nam Hồn* [*L'Âme du Viet Nam*]; 1990, p 51.

Hết sức hợp tác với Pháp là điều kiện cần để Nguyễn Phước Tuấn được chọn lên ngôi. Nhưng vua còn đi xa hơn nữa, được lòng cả Albert Sarraut, mới trở lại cầm quyền, tới Pasquier—một cựu sinh viên trường Thuộc Địa, ngạch chính qui Pháp, từng phục vụ đặc lực ở Đông Dương từ năm 1898 khi mới 21 tuổi, năm 1907 hoàn tất một biên khảo về “An Nam cổ thời” [*Annam d'autrefois*], trải qua nhiều chức vụ lên tới Công sứ Vinh, rồi Giám đốc Thanh tra Chính trị, trực tiếp điều khiển kế hoạch điều kiện hóa giới trẻ bằng văn hóa—từ nhóm *Nam Phong* ở miền bắc, *La tribune indigene* ở miền nam năm 1917, tới *Tiếng Dân* ở Huế từ năm 1927. Trong những báo cáo về Phước Tuấn, Toàn quyền Sarraut ghi nhận vua cố gắng xé tan bức màn cách biệt giữa Hoàng cung và tòa Khâm sứ do các triều thần già nua dựng lên, quyết tâm thực hiện đổi mới.(6)

6. Báo cáo số 383-AP1, ngày 24/5/1917, Sarraut gửi BTĐ; CAOM (Aix), INF, carton 18, d 166.

Đích thân Nguyễn Phước Tuấn còn xin Pháp cử Pasquier làm Khâm sứ thay Honoré Tissot, mang cả ngôi vua ra làm áp lực; coi Pasquier như một bạn thân, gửi gắm vương triều và Hoàng thái tử Vĩnh Thụy vào tay Pasquier.

Vua cũng liên kết chặt chẽ với Nguyễn Hữu Bài, nhân vật quyền thế nhất triều đình, ít nữa từ năm Tôn Thất Hân về hưu. Sau lưng “Phước Môn Bá” Bài, dĩ nhiên, còn Hội Truyền giáo—con vật đen của mọi kế hoạch hiện đại hóa Đông Dương. Năm 1885, chính Giám mục Caspar đã đề cử Ứng Kỹ (Nguyễn Phước Biện) với Palasne de Champeaux và Roussel de Courcy, sau khi Nguyễn Văn Tường không kịp thuyết phục Ứng Lịch (Nguyễn Phước Minh) trở lại Huế trong vòng 30 ngày, kể từ biến cố 5/7/1885. Dù Bửu Đảo chưa phải một con chiên Ki-tô, nhưng chấp nhận một tín đồ Ki-tô đứng đầu nội các, kiêm nắm hai bộ Bộ Lại (nhân viên) và Hộ (tức tài chính, thu hẹp lại chỉ còn lương bổng, xuất nhập của vua). Bởi thế, dù lên ngôi giữa lúc chiến tranh Thứ nhất đang sôi nổi ở Âu châu—chiến lũy Verdun biến thành máy xay thịt người của cả hai phe; Liên Bang Mỹ chính thức nhập cuộc, nhưng “Nikolai” hay **V. I. Lenin (1870-1924)** và Leon Trotsky làm cách mạng Bolshevick (7/11/1917) ở Nga, rồi phe Đồng Minh—triều Nguyễn Phước Tuấn được một Khâm sứ ví von là “đại định”, hay “thiên hạ đại tai bình,” đúng với cái tên “**An Nam**” (*Sud pacifié*) thông dụng, thoái hóa từ quốc hiệu **Đại Nam** (Trung quốc to lớn miền nam) thời còn tự chủ ngược tới **An Nam đô thống sứ ti** (1541-1647) mà nhà Minh (1368-1644) và chư hầu **An Nam** (1667-1802) nhà Thanh (1644 1912) “phong” cho các vua Việt. (7)

7. Xem tóm lược bang giao Hoa-Việt trong Vũ Nụ Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện hay Không Kiện?*, 3 tập (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2015-2016), tập II & III.

Dưới triều Nguyễn Phước Tuấn, lối thi cử cũ bị bỏ. Chữ quốc ngữ mới—dựa theo mẫu chữ cái Latin cùng 5 dấu âm điệu [lên giọng, xuống giọng theo tiếng Portugal và Espania]—được chính thức giảng dạy từ bậc hương học đến những kỳ

thi chọn lựa quan lại. Kỳ thi Hương cuối cùng tổ chức tại Bắc Kỳ năm 1915 và Trung Kỳ năm 1917, Cuộc thi Đình cuối cùng tổ chức tháng 5/1919. Tuy nhiên, trước đó các kỳ thi Hương và Hội đã được hiện đại hóa dần. Các khóa sinh phải trả lời thêm những câu hỏi về tiếng Pháp, quốc ngữ mới, sử địa An Nam, thế giới cùng sử Pháp, và khoa học tự nhiên. [Có người dẫn sách của Khang Hữu Vi về thú say rượu của người Pháp]. (8)

8. CAOM (Aix), AMIRAUX, d. 2585 , 48044 [tóm lược câu hỏi và trả lời về địa lý, khoa học tự nhiên trong kỳ thi Hội năm 1910]; *Nam Phong* (Ha Noi), Số 23 (5/1919), p. 422 & 24 (6/1919), pp. 511-512.

Từ thế kỷ XXI nhìn lại, nền thái bình to lớn của triều Nguyễn Phước Tuấn chỉ là sự yên tĩnh trước những cơn giông bão và động đất sắp đến, tràn ngập cả bán đảo Đông Dương với những đổi thay khó ước lường—một khoảng thời không khai sinh một câu tục ngữ thâm thúy, “**Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết mới hy vọng sống còn.**”

I. “THIÊN HẠ ĐẠI THÁI BÌNH” (18/5/1916-6/11/1925):

Nguyễn Phước Tuấn, tự Bửu Đảo, sinh ngày 8/10/1885, là con thứ bảy Nguyễn Phước Biện, đã bị Thái Hoàng thái hậu Từ Dụ và các đại thần gạch tên trong cuộc tuyển vua năm 1889. Ngoài lý do nhỏ tuổi, và nỗi e sợ sẽ phải hứng gánh nặng di sản của cha—theo đúng nghĩa đen, tức bệnh não; và nghĩa bóng, tức dụng cụ của Pháp để chống lại Nguyễn Phước Minh và “tinh thần trung quân” kháng Pháp, theo đạo học ông cha, của các lãnh tụ Cần Vương như Phan Đình Phùng, v.. v.. trong thập niên 1890, hay Phan Bội Châu—trước khi chuyển sang “ái quốc” [lòng yêu nước, yêu dân] rộng rãi hơn vào những năm đầu thế kỷ XX. (9)

9. *Việc Phan Bội Châu tại Hội đồng đề hình, Phiên ngày Thứ Hai 23 novembre 1925* (Hà Nội: Trung Bắc Tân Văn, 1925), tr. 8, 18

Rất ít chi tiết khả tín về Nguyễn Phước Tuấn được lưu truyền trong thời gian từ 1889 tới 1916. Theo nhiều nguồn tin, khi chưa lên ngôi, Bửu Đảo sống chật vật về tài chính tại lãng tẩm Nguyễn Phước Biện. Một trong những người đỡ đầu của Bửu Đảo là Trương Như Cương, Thượng thư Bộ Lại, Cơ mật viện trưởng từ 1906 tới ngày 19/4/1917.

Năm 1906, Khâm sứ Levecque, khi nghiên cứu những người có thể kế vị ngai vua, đã loại bỏ Bửu Đảo ngay từ vòng đầu. Theo Levecque:

Đó là một thanh niên vô giá trị, bị bệnh điên bí hiểm và sự thác loạn di truyền [*perversion générique*] theo quan điểm An-nam-mít. Bề ngoài dễ bảo và hòa nhã khiến ông ta có một số bạn người Âu ở Huế. Nhưng không tiền bạc, không có ý chí tuyệt đối, nếu chẳng muốn nói là một sự hèn nhát nổi loạn, trên thực tế đó là loại vô tư cách [*dégénéré*] với đủ tật tội. Bửu Đảo có một đảng mà ông ta biết rõ, đang trông chờ ông ta lên nắm quyền, gồm phần đông những thủ hạ của cha ông ta đã bị Thành Thái [Nguyễn Phước Chiêu] loại bỏ,

và họ nuôi hy vọng nếu Bửu Đảo lên ngôi thì họ sẽ có trong tay một dụng cụ ngoan ngoãn.... Họ chỉ bị lôi kéo bằng lợi lộc.

Tể tướng hiện nay [Trương Như Cương] là cha vợ của cả Hoàng đế [Nguyễn Phước Chiêu] và Hoàng tử Bửu Đảo. Cựu Kinh lược Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải cũng hy vọng trở lại triều cương khi ứng cử viên của ông ta lên ngôi....

Hội Truyền giáo, đã đề cử Đồng Khánh, cũng yểm trợ con Đồng Khánh với hy vọng thực hiện những gì mà người cha chưa làm được. Chắc chắn là sự lựa chọn Bửu Đảo sẽ rất tai hại [*deplorable*] và **đại đa số những người biết rõ những chàm tạt [*tares*] của tiền nhân và của chính Hoàng tử sẽ không thể hiểu nổi tại sao Thành Thái bị loại bỏ để thay bằng một người còn điên khùng hơn.**

Thêm một lý do không kém quan trọng khác là *Bửu Đảo không có con, và cũng không có khả năng để có con.*(10)

10. Báo cáo ngày 21/7/1906, Levecque gửi Beau; CAOM (Aix), GGI, d. 9577, tài liệu 75 [chữ in nghiêng do chúng tôi nhấn mạnh]

Tuy nhiên, năm 1913, “chim loan” bỗng cất tiếng gáy trên nóc nhà Bửu Đảo—Hoàng tử có con trai, Vĩnh Thụy (13 [22]/10/1913-1/8/1997), chính thức ghi vào sổ bộ Tôn Nhơn Phủ. Người mang đến tin mừng không thuộc hàng vợ hay thiếp—mà chỉ là người hầu của vợ lớn Bửu Đảo, con gái Trương Như Cương. Cuộc hôn nhân chính trị và kinh tế này đổ vỡ sau khi Bửu Đảo lên ngôi và Cương phải về hưu. Tối 3-4/5/1916, chuyến xuất giá của Nguyễn Phước Hoăng bỗng mở cho Bửu Đảo, lúc này đã 31 tuổi, một cơ hội mới. Ngay ngày 4/5, Khâm sứ Charles đã điện báo với Toàn quyền Roume rằng triều thần—hiểu theo ý nghĩa chính Charles—**quyết đề cử Bửu Đảo lên ngôi.** Charles cũng ra sức bảo vệ sự đề cử Bửu Đảo khi Roume vào Huế điều tra. Ngay Nguyễn Hữu Bài—người đưa ra ứng cử viên thượng hạng Hàm Nghi [Ứng Lịch] và Cường Để mà Bài biết chắc Pháp không chấp thuận, rồi đồng ý ủng hộ Bửu Đảo, lá bài hạng nhì, vì Charles đã chọn Bửu Đảo. Sáng 10/5, đại diện Hội đồng Tôn Nhơn Phủ, Phủ Phụ Chính, và các quan văn võ đồng ký thỉnh nguyện thư xin lập Bửu Đảo. Buổi họp Phủ Phụ chính cùng ngày—với sự tham dự của Miên Lịch, Phụ chính thân thân (đại diện Hoàng tộc); Trương Như Cương, Tôn Thất Hân, Thượng thư Bộ Hình; Nguyễn Hữu Bài, Bộ Binh và Công; Huỳnh Côn, Bộ Lễ; Hồ Đắc Trung, Bộ Học; và, Đoàn Đình Nhàn (Duyệt), Bộ Hộ—cũng nhất trí phế ngay Nguyễn Phước Hoăng để lập Bửu Đảo.

Ngày 18/5, sau hơn ba thập niên cơ hàn, Bửu Đảo dời địa chỉ từ Lãng Nguyễn Phước Biện về Cẩm Thành, với tên thánh Nguyễn Phước Tuấn, niên hiệu Khải Định. Để chào mừng một kỷ nguyên đại thái bình sắp tới, ngày hôm trước, 17/5, Viện Cơ Mật đã mở một phiên tòa đặc biệt để làm án các lãnh tụ cuộc nổi dậy đêm 3-4/5/1916 tại kinh thành và Quảng Ngãi. Hoàng Quảng [Trọng?] Phu, Tham tri Bộ Hình; Võ Liêm, Tham tri Bộ Binh; Ứng Ân, Thị lang Bộ Hình; và, Ngự sử Tôn Thất Uyển được ngồi ghé chung thẩm. Suất đội Nguyễn Siêu và Tam đảng thị vệ Tôn Thất Đề bị kết tội đã thông đồng với Thái Phiên và Trần Cao Vân xúi dục

Nguyễn Phước Hoảng xuống hịch nổi loạn. Sau đó Siêu sẽ chịu trách nhiệm trấn thủ kinh thành, trong khi Đê hộ tổng ấu vương xuất giá. Ngoài ra, còn 15 người khác bị nghị án: Tứ đẳng thị vệ Dương Đức Tuyên, Ngũ đẳng thị vệ Lê Đình Thưởng, 6 cấm quân (Hoàng Văn Tri, Nguyễn Soạn tự Năm Hưu, Lê Châu Hàn, Phạm Thanh Chương, Lê Cảnh Vận, Nguyễn Khoan tức Âm Vệ), 2 đội cảnh sát (Lê Viết Kinh, Nguyễn Duy tự Xã Dụng), Thất phẩm đội trưởng Tôn Thất Quyền, Bát phẩm đội trưởng Võ Đan, Cửu phẩm Mai Trí, Võ Ngô và Lại Hà. Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Siêu và Tôn Thất Đê bị tội chém bêu đầu, giảm còn xử chém tức khắc.(11)

11. Biên bản Phiên họp Phủ Phụ chính ngày 10/5/1916; Ibid., dossier 9588, tài liệu 41. Nhân vật Phan Thành Tài cần được nghiên cứu lại. Đa số tác giả đã sử Việt Nam, như Phạm Văn Sơn (trong chương I, quyển 7), hay Petrus Trương Vĩnh Ký, thường chỉ phóng bút theo cảm nhận cá nhân, chẳng dựa trên tư liệu khả tín có thể kiểm chứng nào.

Tại các địa phương, một cuộc lũng bắt sâu rộng diễn ra suốt tháng 5/1916. Tại Quảng Nam, số tù nhân lên tới 360 người; 240 ở tòa Nam, 120 ở Tòa Khâm; quá đông nên ngày 30/6 quan địa phương xin gửi bớt tù lên Lao Bảo. Các quan Việt hăng say trừng trị loạn đảng đến độ vào tháng 6/1916, Charles cấm cho kết thêm một án tử hình nào nữa.(12)

12. Ibid., RSA, E-5, và GGI, d. 9588; Công điện số 2-T, ngày 10/5/1916, Gougal gửi Colonies; Ibid., dossier 7F-50.

Trong số các quan lập công lớn có Trần Tiễn Hối, con cựu Thượng thư Thành, gốc làng Minh hương, Thừa Thiên.

Đích thân Nguyễn Phước Tuấn cũng rất tích cực trừng trị “loạn đảng.” Vua nộp cho Pháp nhiều bằng chứng việc Nguyễn Phước Hoảng đã mưu “làm loạn” từ năm 1915. Ngày 18/2/1917—theo gương cha đối xử với Nguyễn Phước Minh—Nguyễn Phước Tuấn ra Dụ giáng Bửu Lân xuống Hoài Trạch công. Phần Vĩnh San, vua nghiêm khắc lên án những việc làm của “đứa con mất tư cách” [*fils denature*] của Bửu Lân, và cũng cháu họ mình, là hình tội. Bởi thế, cách xuống hàng Hoàng tử, vì Vĩnh San là

một kẻ tội phạm đối với tổ tiên và xã tắc. Tội ác của Vĩnh San đáng lẽ phải chịu cực hình, dầu có đầy đi xa cũng chưa đủ.(13)

13. Ibid., d. 9592. Năm 1925, trong di chúc, Nguyễn Phước Tuấn còn kết tội cha con Bửu Lân là xâm phạm cửu miếu. Xem chương sau.

II. PHÁP-VIỆT ĐỀ HUỀ:

Tại Đông Dương, chiến thắng của phe Đồng Minh sau Thế chiến thứ I khiến Pháp quyết định rút bỏ những biện pháp đặc biệt, trở lại với chính sách “hợp tác” đã đề xướng từ năm 1909. Chính sách này thường được biết như Pháp-Việt đề huề. Sarraut và Pasquier là hai trong những kỹ sư chính của kế hoạch trên.

A. SARRAUT & CUỘC CẢI CÁCH 1917:

Đầu năm 1917, Loạt sư Sarraut trở lại Đông Dương làm Toàn quyền. Trong năm 1917, Sarraut thực hiện nhiều cải cách quan trọng.

Về kinh tế-tài chính, Sarraut tận thu giảm chi. Phong trào “**Rồng Nam Phun Bạc,**” tức hô hào dân Đông Dương quyên góp và mua trái phiếu (bond) đóng góp vào nỗ lực chiến tranh ở mẫu quốc được phát động rầm rộ. Cuối năm 1918, tổng cộng trái phiếu chiến tranh đã bán ra ở Đông Dương lên tới 176.5 triệu *francs*, chiếm 57% trên toàn đế quốc Pháp. (14)

14. *Nam Phong*, số 17 (11/1918), tr. 310; Marr, *Tradition On Trial*, 1981, p 64, chú 13.

Ngoài ra, còn một số bạc chôn dấu trong lăng Nguyễn Phước Thời và hoàng thành được khai quật.

Đồng thời, Sarraut tìm cách thu hút vốn đầu tư để phát triển nền kinh tế xuất cảng Đông Dương. Ngoài những quặng mỏ như than đá, vàng, bạc, thiếc, chì, phốt phát đã khai thác từ lâu, Sarraut hướng việc phát triển các loại nông nghiệp kỹ nghệ như cao-su, hoặc cà-phê, trà, ca-cao tại các cao nguyên. (15)

15. Vũ Ngự Chiêu, “Political and Social Change,” 1984, chapt V. Luận án này được phát hành dưới dạng microfilm.

Kế hoạch khai khẩn [mise en valeur] thuộc địa này là mục tiêu chiến lược quan trọng của các cường quốc thực dân, bất kể màu da, chủng tộc hay ý thức hệ. Tìm tòi các tài nguyên thiên nhiên rồi tung chúng ra thị trường thế giới kiếm lợi nhuận là động lực chính.

Về chính trị, Sarraut tái thiết lập Hội đồng tư vấn và Hội đồng tỉnh ở Trung Kỳ. Tại Bắc Kỳ, mở rộng thêm cử tri đoàn. Cuộc bầu cử Hội đồng Nghị viên Hà Nội năm 1919, chẳng hạn, số cử tri Pháp lên tới 990 người, nhưng chỉ có 359 người thực sự bỏ phiếu, và người đắc cử cao nhất được 302 phiếu, so với 282 phiếu cho người thứ bảy. Cử tri Việt lên tới 1,096 người, nhưng chỉ có 717 người đi bầu. Nguyễn Văn Vĩnh được 502 phiếu, Phạm Duy Tốn, 495 phiếu, Bùi Duy Tín, 418, và Đỗ Thận, 360 phiếu. (16)

16. Rapport No. 808 (26/12/1919), RST gửi Gougal; CAOM (Aix), Amiraux 16942. Việc tái tổ chức hành chính ba thành phố Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng được thực hiện qua sắc luật ngày 11/7/1908.

Nhưng thực chất không khuyến khích tinh thần dân chủ, hay sự tham gia chính trị của đám đông, mà chỉ gây thêm một hủ tục mua bán phiếu trong giới quan viên và hương chức. Viên chức bảo hộ Pháp cũng thi hành một thủ thuật ưu đãi những tay chân bằng cách ban thưởng phẩm hàm và chức tước—vừa duy trì an ninh, trật tự, vừa theo chính sách chia để trị. Không những từ chối việc truyền bá các phương thức bầu cử dân chủ, tự do của Âu-Mỹ, viên chức thuộc địa Pháp còn vô tình biến những đại diện dân thành những nhân vật “nghị gật” hay “xã xệ,” “lý toét” trên báo chí. (17)

17. Trên hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, mục tranh hoạt họa và chuyên phẩm về “Lý Toét,” “Xã Xệ” đắt khách nhất; Nguyễn Xuân Chữ, *Hồi ký*, 1996: tr. ?.

Ngày 28/6/1917, Sarraut còn ký nghị định thành lập **Nha Liêm Phóng** (*Sureté*), một ngành cảnh sát chính trị khá hữu hiệu. Trong chính sách “chiêu hồi” hay “Pháp-Việt đề huề” của mình, Sarraut và Pasquier từng gửi Thanh Tra Néron [Nê-dung] qua Hàng Châu, Chiết Giang, đưa điều kiện cho Phan Bội Châu về nước, sau khi Cử Nhân Châu soạn tập *Pháp-Việt đề huề luận*, và giao cho Phan Bá Ngọc “phụng thảo.” Đáng sợ hơn nữa, Mật thám Pháp sau này còn cấy được nhân viên nằm vùng hải ngoại như vợ chồng “Pinot” Nguyễn Công Viễn (Lâm Đức Thọ)-Lương Huệ Quần tại Quảng Châu rồi Hong Kong, hay “mouchard” Dương Hạc Đỉnh trong ban lãnh đạo *Việt Nam Thanh Niên Kách Mạng Đồng Chí Hội* nội địa, và rồi *Đảng Cộng Sản Đông Dương* (Hà Nội, 1929). Anh em “Thomas” Đặng Đình Thọ, Đặng Văn Thọ còn ghi danh học trường Stalin [KUTV hay KUTB] ở Mat-sco-va, hay làm Bí thư chi hội thủy thủ tại Pháp. Trước năm 1925-1926, nhân viên hoạt động hữu hiệu nhất gồm những cựu học sinh Đông Độ như Lê Dư, Nguyễn Thái Bạt, Nguyễn Bá Trác (từng bị tử hình khiếm diện năm 1913), tác giả bài “Hồ trường” nổi tiếng một thời.

Nhưng Nha Mật Thám Đông Dương cũng tạo nên những trường chuyên nghiệp về tra tấn, ngục tạo cung tù—phần nào chứng thực những bằng tốt nghiệp “đại học tù đầy” của cán bộ các đảng phái bí mật chưa bị hủy diệt, với nhà tù Côn Đảo [Poulo Condore] như một đại học danh tiếng nhất. Hạ tuần tháng 9/1945, từ Côn Đảo, hơn 1,800 tù nhân chính trị đã được tàu *Phú Quốc* và 25 thuyền đưa về Đại Ngãi, Sóc Trăng, rồi tung ra khắp lục tỉnh như nòng cốt của cuộc chiến kháng Pháp và Bri-tên, với sự ép buộc tham dự của tù binh Nhật—một tội ác chiến tranh của Louis Mountbatten, nhưng thế giới chỉ quay mặt làm ngơ. (18)

18. Xem Mai Chí Thọ [Phan Đình Đồng], *Những mẩu chuyện đời tôi* (Hà Nội: NXB CAND, 1996), tr. 105-7 [77-107]. Xem thêm bài trên *Dân Chúng* (Sài Gòn) năm 1938-1939.

Những người như Nguyễn Hữu “Tiến què” hay Giáo Hoài—ngày 22/5/1931, bị bắt ở Hà Nội, tra tấn què chân, kết án 20 năm khổ sai; thang 4/1935, vượt ngục Côn Đảo, hoạt động tại miền Tây Nam Kỳ, sau lên Sài Gòn, Chợ Lớn hoạt động; năm 1939 vào Thành ủy Sài Gòn cùng Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Oanh—hay Nguyễn Thị Quang Thái, em ruột “Fan Lan” Nguyễn Thị Vịnh, vợ đầu tiên của Võ Giáp (1911-2013)—và ngay cả Lý Quý, tức Trần Phú (1904-1931), Tổng Bí thư chỉ định đầu tiên của *Đảng Cộng Sản Đông Dương [CSDD]* (14/10/1930-11/11/1945) chỉ là một số ít trong hàng trăm ngàn nạn nhân vô danh của nhục hình tra tấn ở các phòng thẩm cung tại Nha Liêm Phóng hay cảnh sát, an ninh Pháp. (19)

19. Xem Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu: tập III: Nhân Vật Chí* (1997), tr 379, 517; *TPHCM* 1981:58-59; *VKĐTT*, 6, 2000:537-67; CAOM (Aix), GGI, RST F30(4) [ngày 6/6/1942, Bà Vái Nguyễn Thị Quang Thái bị bắt, giải ra Hà

Nội, cho Nguyễn Hữu Xuyên, Nguyễn Thị Châu, Đào Duy Dzính và Đào Duy Kỳ chỉ điểm cho Mật Thám Pháp].

Về phương diện xã hội, Sarraut xây cất thêm nhiều bệnh viện, nhà hộ sinh, phòng khám bệnh. Ngoài ra, còn thiết lập những toán y tế lưu động đi chữa bệnh ở vùng nông thôn. Viện *Pasteur*—một trong số ít điểm son của chế độ Bảo hộ Pháp—cũng tiếp tục việc nghiên cứu các chứng bệnh nhiệt đới và phương pháp điều trị, phổ biến những thuốc chủng ngừa có hiệu lực. (20)

20. Nguyễn Xuân Chữ, *Hồi Ký*, 1996, tr. 105ff.

Ngày 10/6/191?, Sarraut còn ký nghị định thành lập Nha Thanh Tra Lao động. Tuy nhiên, điều kiện làm việc và lương bổng của nhân công cải thiện rất chậm. Các mỏ than ở miền Bắc cùng những rừng cao su ngút ngàn ở Nam Kỳ và Căm Bốt—gia tăng từ 15,000 hectares năm 1920 lên tới 100,000 hectares năm 1932—vẫn còn là những địa ngục trần gian. Từ những trung tâm tập trung khoảng 100,000 “công nhân vô sản” này, guồng máy tuyên truyền về ảo tưởng một thiên đường hạ giới mô phỏng theo xã hội nguyên thủy của nhân loại sẽ tìm đường xâm nhập, tạo nên một chuỗi những cuộc khủng bố đỏ đầu thập niên 1930.

A. QUỐC NGŨ MỚI & GIÁO DỤC:

Về giáo dục, Sarraut mở lại trường Đại học Hà Nội năm 1917. Trường này gồm ba phân khoa chính là Luật, Thuốc (Y khoa), và Kỹ thuật.

Trường Luật (*Ecole de Droit*), nhằm đào tạo **tham tá hành chính** (*commis*) hay tri huyện, được cải tổ với học trình ba năm (dành cho những người có bằng Cao Đẳng tiểu học (*Diplôme*)). Sau khi tốt nghiệp, học viên phải tập sự một thời gian trước khi được bổ nhiệm. Jean Baptiste Ngô Đình Diệm, gốc Quảng Bình nhưng định cư ở Huế, cũng theo học phân khoa Huế của chương trình Cao Đẳng Hành chính, và ra Hà Nội hoàn tất năm thứ ba trường Luật năm 1922. Một trong những sinh viên xuất sắc là Nguyễn Văn Ninh [tự An Ninh] (1900-1943), gốc Hóc Môn, Gia Định, được qua Pháp tu nghiệp, hoàn tất Cử nhân năm 1921, nhưng đơn xin học bổng Tiến sĩ bị René Robin bác vì—nói theo Thống sứ Maurice Cognacq—Nam Kỳ không cần trí thức. Từ năm 1924, tất cả các ứng cử viên quan lại bản xứ phải học ngay tại trường Cao Đẳng Pháp Chính.

Trường Thuốc (*Ecole de Médecine et de Pharmacie*)—đã hoạt động từ năm 1902, cùng với các trường Thú Y (*Ecole vétérinaire*), và trường Lục lộ (*Ecole des Travaux Publiques*)—cũng được cải tổ. Học viên phải có bằng Cao Đẳng tiểu học và qua một kỳ thi tuyển. Tốt nghiệp trường Thuốc được gọi là *médecin indigène* (cán sự y tế bản xứ), sau đổi thành *médecin auxiliaire* (cán sự y tế trợ tá), hoặc “y sĩ Đông Dương” để phân biệt với các “Bác sĩ”, tức những Tiến sĩ Y khoa tốt nghiệp tại Pháp. (21)

21. Chúng tôi sử dụng từ Y sĩ cho tất cả những người tốt nghiệp trường thuốc, và ghi thêm là bản xứ hay Pháp. Thuật ngữ Bác sĩ (Tiến sĩ Y Khoa) hay Bác Vật (Kỹ sư) vô nghĩa.

Ngoài ra còn các trường sư phạm (Ecole de Pédagogie), đào tạo các giáo viên cấp Cao đẳng tiểu học; trường Cao đẳng thương mại (Ecole supérieur de Commerce); trường Cao đẳng Canh nông, đào tạo tham tá canh nông; và trường Mỹ thuật (Ecole des Beaux Arts). Sarraut còn mở cửa trường Trung học công lập Hà Nội (Lycée de Hanoi)—nguyên là Collège Paul Bert, và năm 1923 cải danh thành Lycée d'Albert Sarraut—đón một số học sinh người Việt.

Tại An Nam, từ năm 1919 Sarraut bỏ lối thi cử cũ (Dụ ngày 6/12/1918 của Nguyễn Phước Tuấn; rồi Dụ ngày 14/7/1919; thông tư ngày 30/7/1919). Khoá thi Hương cuối cùng tổ chức năm 1917 tại Thanh Hoá, Vinh, Huế và Bình Định. Các khoá sinh, kể cả các Tú Tài, đều không quá 30 tuổi. Số Tú tài lấy gấp ba số Cử nhân. Các môn thi gồm ba [3] thứ tiếng, Hán (Văn sách, pháp chính, chiếu, dụ, tấu, số, tư văn [văn thư]), quốc ngữ mới (sử, địa, luận và đo lường), và Pháp (hai bài dịch từ Pháp qua Việt, và Việt qua Pháp).

Khóa thi Hội cuối cùng tổ chức năm 1919—ngày 28/4/1919, ra bảng thi Hội; ngày 15/5/1919 thi đình—lấy đỗ 7 Tiên sĩ và 16 Phó Bảng. Một trong những người trúng tuyển, Đinh Nguyên Nguyễn Phong Gi, tên mới của Nguyễn Thái Bạt, từng tham dự phong trào Đông độ—khởi đầu bằng nghề “ăn mày” ở Nhật, như Sào Nam ghi lại trong tập *Niên Biểu* đầy rẫy những “tiên sinh.”(22)

22. Dụ ngày 6/12/1918 của Viện Cơ Mật; CAOM (Aix), Amiraux 2585; và, “Procès verbal du Conseil du Co Mat à Hue (1/6/1917);” Ibid., Amiraux 48044; *Nam Phong* (Hà Nội), số 23 (5/1919), tr. 422; số 24 (6/1919), tr. 511-12; và “Văn Thi Hội: Trường Thứ Ba (Bài quốc văn), Ibid., số 24 (6/1919), tr. 445-50.

Theo chính sách thắt lưng buộc bụng, Sarraut và Charles cắt giảm bớt tiền lương của Hoàng gia. Nguyễn Phước Tuấn được hưởng lương hàng năm 48,000 đồng, ngân sách An Nam [Trung Kỳ] đóng góp 36,000 đồng, phần còn lại do các quỹ khác bù thêm. Viện Cơ Mật cũng thu bóp lại. Ngày 19/4/1917, Trương Như Cương cùng Huỳnh Côn về hưu vì đã trên 70 tuổi. Hai ghế Thượng thư vừa bị bỏ trống không được điền thêm người mới, mà chỉ tái tổ chức lại triều đình. Bộ Lại và Hộ được gom dưới quyền Nguyễn Hữu Bài, trong khi Đoàn Đình Nhàn (Duyệt) nắm Bộ Công và Binh. Bộ Học và Lễ ghép chung dưới quyền Hồ Đắc Trung. Tôn Thất Hân vẫn cầm đầu Bộ Hình; kiêm Cơ Mật Viện trưởng. (Ngày 2/5/1917, Sarraut ký nghị định phê chuẩn Dụ trên của Nguyễn Phước Tuấn).

Theo Sarraut, đáng lẽ Cương và Côn đã bị về hưu sớm hơn nếu Thế chiến thứ I không xảy ra. Họ đã trở thành những “hộ pháp nhiệt tình, nhưng quá mỗi mệ” trước nhịp suy thoái của truyền thống và các cơ cấu cũ. Từ buổi qua chào Sarraut tại Tòa Khâm sứ Huế lần đầu tiên vào tháng 2/1917, Nguyễn Phước Tuấn đã muốn thay Cương và Côn. Vua muốn xé bỏ lớp màn ngăn cách mà Viện Cơ Mật muốn giăng ra giữa vua và Bảo hộ, để làm việc trực tiếp với các viên chức Pháp. Vua muốn hành động và tự tay mưu cầu hạnh phúc cho dân chúng, trong sự thỏa thuận của Pháp. (23)

23. Báo cáo ngày 24/5/1917, Sarraut gửi Thuộc địa; CAOM (Aix), INF, carton 18, d. 166. Hiền Lương hầu Cương chết năm 1919; *Nam Phong* (Hà Nội), số 21 (3/1919), tr. 41.

Bốn đại thần trong Viện Cơ Mật, vẫn theo Sarraut, chẳng có bao lăm giá trị và ảnh hưởng với đám đông. Tôn Thất Hân được chức Cơ Mật Viện trưởng thuần vì lòng trung thành với Bảo hộ. Pierre Bâi có bề ngoài biết nhìn sự việc theo quan điểm giống Bảo hộ, tuy nhiên liên hệ với Hội truyền giáo khiến lòng trung thành chao đảo [*ostensoire*]. Bâi muốn trở thành “một cái gì đó, nhưng thiếu chiều cao của nhận thức và bề rộng của toàn cảnh.” Mọi khôn khéo của Bâi đều nhằm vào những mưu mẹo vặt ở triều đình. Khi còn là Tổng đốc Nam-Ngãi (1903-1906), Bâi từng khuyến khích việc mở mang hương học và hội Hiệp Thương. Tài liệu Mật Thám Pháp và Hội ký Cường Đê đều ghi Bâi tham gia *Duy Tân Hội*. Trong thời gian Nguyễn Phước Hoảng rời kinh thành (3-6/5/1916), thái độ Bâi khiến người ta tin rằng Bâi không xa lạ gì với những mưu mô đưa đến sự tuột dốc chết người của vua. Sarraut cho rằng Bâi chỉ có thể tin được ở mức nào đó, và sẽ theo dõi Bâi chặt chẽ.

Hồ Đắc Trung đã có một sự nghiệp làm quan sáng lạn. Trung khiến người ta chú ý qua việc biểu lộ một năng lực hiếm có trong việc đàn áp cuộc chống sưu dịch năm 1908. Từ ngày đó, Charles hết sức chú ý đến Trung. Dĩ nhiên vì thế Trung không được mọi người ưa thích. Đoàn Đình Nhân (Duyệt) mới vào Viện Cơ mật từ tháng 1/1916 với phương vị Thượng thư Bộ Hộ (Tài chính). Lòng trung thành với bảo hộ của Nhân không thể ngờ vực.

Nhưng cả bốn đại thần đều lớn tuổi, với nền học vấn và huấn luyện cổ, khó đáp ứng với nhu cầu hiện đại hóa. Đây là sự “va chạm” giữa các đại thần với ông vua chỉ bằng nửa tuổi họ, và có nền học vấn mới. Việc họ bác bỏ dự thảo tu chính Bộ hình luật Gia Long (hoàn tất năm 1814) là một thí dụ. Bởi vậy, Sarraut nghĩ đến việc xen đan vài quan trẻ.

Để quảng cáo cho vương quyền của Nguyễn Phước Tuấn, Sarraut và Khâm sứ Pháp cử vua tuần du đó đây. Đồng thời, cũng để cổ võ chính sách “Pháp-Việt đề huề” hay tinh thần quốc gia “ôn hoà.” Chính sách này được Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Lê Bông, Phạm Quỳnh ở Hà Nội và Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Charles Nguyễn Phú Khai trong Nam ra sức yểm trợ. Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Phú Khai qui tụ một nhóm khoa bảng miền Nam có quốc tịch và từng du học Pháp lập nên nhóm Lập Hiến, với cơ quan ngôn luận là tờ *La tribune indigène* [Diễn đàn bản xứ] ở Sài Gòn. Họ chủ trương tiến hóa [*evolution*], tức thay đổi các kiến trúc xã hội một cách ôn hòa, tiệm tiến, cho tới ngày dân tộc Việt san bằng được hố ngăn cách sâu, xa về khoa học và kỹ thuật. Nguyễn Phan Long (1889-1960), một nhà văn/ký giả có năng khiếu đặc biệt về Pháp văn cũng gia nhập nhóm năm 1923 sau khi từ Bắc vào Sài Gòn. Những trí thức trẻ huấn luyện tại Pháp hay Đông Dương như Dương Văn Giáo (1890-1945), Diệp Văn Kỳ theo khuynh hướng này. Từ thập niên 1920, một chi nhánh Lập Hiến thành hình ở Paris, được sự cộng tác của Phó bảng Trinh, Trần Văn Khá, Nguyễn Khắc Vê, v.. v..(24)

24. Xem tiểu sử Khai, và Long trong Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu, tập III: Nhân Vật Chí*, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hoá, 1997), tr. 363-64, 361-62. Idem., *Hồ Chí Minh, tập I: 1892-1924* (Houston: Văn Hoá, 1997), tr. 260-63. Sê dẫn: Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, tập I* (1997). Xem thêm Ralph Smith, “Bui Quang Chieu and the Constitutionalist Party in French Indochina, 1917-1930,” *Modern Asian Studies*, 3:2 (1969), tr. 131-50.

B. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ & NGÀNH ÁN LOÁT:

Tại Hà Nội, sau một thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng, tháng 7/1917, Louis Marty, Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác trình làng nguyệt san song ngữ *Nam Phong*, với Marty làm chủ nhiệm. Phạm Quỳnh—thư ký hạng 5 của Nha Thanh Tra Chính trị và Hành chính dưới quyền Pasquier—phụ trách phần quốc ngữ mới. Cử Nhân Trác—chánh lục phẩm [VI-1], một cựu đoàn viên Duy Tân Hội Quảng Nam, trốn qua Nhật giữa cuộc dân biến 1908, từng bị kết án tù, rồi tử hình khiếm diện ngày 5/9/1913—phụ trách phần Hán văn, cũng làm việc dưới quyền Pasquier. Ngày 11/6/1918, Trác được đề nghị tăng lương từ 100\$ lên 120\$ mỗi tháng vì mới thăng lên tòng ngũ phẩm [V-2]. Nha Chính trị và Hành chính cấp phát mỗi tháng 500 đồng. Trong số yểm trợ hay ủng hộ viên có Sarraut và Nguyễn Phước Tuấn. Ngay từ bài “Mấy nhời nói đầu” trong số ra mắt ngày 1/7/1917 đã phải chịu sự kiểm duyệt của Nha Liêm phóng và Thông sứ Bắc Kỳ. (25)

25. Thư viện Quốc gia Pháp sưu tập khá đầy đủ tựa báo này, với dạng microfilm [MICR D-998]. CAOM (Aix), Amiraux 19065 [Phạm Quỳnh]; Ibid., Amiraux 26701 [Nguyễn Bá Trác]. Về một quan điểm khác với Phạm Quỳnh và *Nam Phong*, xem Phạm Thị Ngoạn, *Tìm hiểu tạp chí Nam Phong, 1917-1934*, bản dịch Phạm Trọng Nhân (Yerres, Pháp: Ý Việt, 1993). Xem thêm Marr, *Tradition On Trial*, 1981, pp 153n38, 68n28 (dẫn tư liệu văn khố Thông sứ Bắc Kỳ tại Việt Nam).

Một trong những đóng góp quan trọng của *Nam Phong* là những người cộng tác đã làm giàu hơn chữ quốc ngữ, khác xa văn phong và lối diễn tả, nghị luận của thể hệ cầm bút miền nam trên các tờ *Gia Định báo* hay *Lục Tỉnh tân văn*.

Những điều nhóm “Pháp-Việt đề huề” cổ võ chẳng khác biệt bao lắm với chủ trương “thờ người Pháp làm bậc thầy để cầu tiến bộ” của Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, v.. v... Ngay đến Phan Bội Châu, sau Thế chiến thứ I chấm dứt (11/11/1918) nghiêng dần về chủ trương này—đặc biệt là sau khi nhiều cộng sự viên đặc lực cũ đầu thú. Qua môi giới Phan Bá Ngọc, Lê Dư, Phan Bội Châu hoàn tất tài liệu ký tên Độc Tinh Tử, nói về nhu cầu hợp tác Pháp-Việt cùng có lợi, trước mỗi đe dọa “hung hiểm” của Nhật, gấp trăm ngàn lần ông bảo hộ hiện tại.”.(26)

26. Phan Bội Châu, *Pháp-Việt đề huề chính kiến thư* [1914 [1918?]], chữ Hán, *PBCTT* (2001), V:[563] 555-566; bản dịch chữ Tây, [*Leur joug à votre égard sera cent mille fois plus dur que celui de notre France*] “Manifesto de Phan Boi Chau,” Ibid., V:722 [701-715]; “Pháp-Việt đề huề chính kiến thư;”

[Nguyễn Khắc Hạnh; bản in lần thứ hai, NXB Tân Dân, 1925]; Ibid., V:204 [196-206]; NB (Chương Thâu), Ibid., VI:249-251. Thư ngày 26/7/1919, PBC gửi Sarraut; CAOM (Aix), HC, Service de Protection du Corps Expeditionnaire [SPCE] 352; bản dịch chữ Việt Chương Thâu; PBCTT (2001), V:452-453.

Theo *Thực Nghiệp Dân Báo* (20/1/1926) nguyên bản tài liệu này là *Pháp-Việt đề huề luận*, và bản dịch có nhiều chỗ sai ý tác giả. Vẫn theo Phan Bội Châu, tài liệu viết năm 1918, do Phan Bá Ngọc và Lê Dur thúc dục; sau đó Thanh tra Néron [Nê Dung] đến Hàng Châu, tiếp xúc, và mang theo thư Sarraut về điều kiện hợp tác. Ngày 26/7/1919; PBC thư cho Sarrau, nói đã gặp Néron; hẹn sẽ nói chuyện nhiều. (27)

27. CAOM (Aix), SPCE 354 [1920-1925], PBCTT (2001), V:452-453;

Tuy nhiên, sự tương cận giữa hai nhóm hô hào hợp tác chỉ là dụng (*pathos*), bề ngoài, hơn thể (*ethos*). Những Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác—với sự tài trợ của ngân sách Bảo hộ, và sự góp ý của Nha Mật Thám (Liên Phóng), dù thực lòng tin tưởng ở những gì đã viết hay thuận nhận lệnh từ thượng cấp—chỉ thực thi chính sách **dùng văn hoá để điều kiện hoá giới trẻ. Việc thành lập Khai Trí Tiến Đức Hội** năm 1919 tại Hà Nội của một nhóm quan lại Bắc Kỳ và thông phán, thư ký trong chính phủ Bảo Hộ là một thí dụ tiêu biểu—nhằm huấn luyện mọi giới biết ơn công lao khai hóa của Pháp.

Nhiều tác giả nghiên cứu *Nam Phong* còn nhắc đến công Phạm Quỳnh khám phá ra *Truyện Kiều*—tác phẩm văn vần của Nguyễn Du bằng chữ nôm rất quen thuộc trong đại chúng. Ít ai để ý đến việc người phụ trách phần Hán tự của *Nam Phong* còn đưa ra ánh sáng nhân vật Nguyễn Trường Tộ (1827?-1871)—một trong những thông ngôn đầu tiên của quân viễn chinh Pháp dưới trướng Đô đốc Charner năm 1861. Thân cận của Giám mục Đường Ngoài Nam Gauthier [Ngô Gia Hậu], Tộ từng qua Hong Kong, rồi trong những năm cuối thập niên 1860 gửi cho triều đình nhiều biểu, tấu xin canh tân và có chính sách đối xử với Ki-tô giáo hợp lý hơn. Tộ còn khuyên Nguyễn Phước Thời liên minh với Giáo hội Vatican và Bri-tên để chống lại kế hoạch tầm thực của Pháp. Như đã lược thuật ở những chương trước, Nguyễn Phước Thời còn ủy thác thầy trò Tộ cùng hai linh mục thuộc Hành nhân ti/Thương Bạc qua Pháp tìm huấn luyện viên mở một trường Quốc Học tại Huế, nhưng không thành công. Năm 1871, sau khi Napoléon III thua trận Phổ và bị bắt, Nguyễn Phước Thời còn có kế hoạch sử dụng Tộ qua Âu Châu tìm liên minh Bri-tên, nhưng bị bỏ dở, vì cái chết đột ngột của Tộ mà theo Gauthier có thể vì thuốc độc. Đốc học Lê Thước qua loạt bài công bố một số di thảo của Tộ cổ võ việc cầu hòa với Pháp vì đó là “cơ huyền diệu” của “Tạo vật” (thượng đế Ki-tô). Lê Thước cũng đề nghị dùng tên Tộ đặt cho trường tiểu học Franco-Annamite Vinh. (28)

28. Xem Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ: Con người và di thảo*, tái bản có sửa chữa (TP/HCM: NXB TP/HCM, 2002). Linh mục Cần sử dụng một số tư liệu Châu Bản Triều Tự Đức [Nguyễn Phước Thời]

Sự vinh danh những phần tử hợp tác với mẫu quốc từ buổi đầu này cũng diễn ra ở Sài Gòn khi Petrus Ký [Key] được đúc tượng, dùng tên đặt cho trường trung học công lập lớn nhất miền nam tại Sài Gòn. Trong hạ bán thế kỉ XX, Tộ và Ký được huyền thoại hóa thành những “vĩ nhân văn hóa,” khác hẳn với sự thực và vai trò lịch sử hay trọng lượng tác phẩm của họ—giống như việc Chu Lê (Minh Thành Tổ, 17/7/1402-12/8/1424) khen thưởng, ban bằng sắc Đại Minh [Ta Ming] cho các “trung lương” Mạc Thúy, Nguyễn Huân, Lương Nhữ Hốt, v.. v... dưới thời Minh thuộc (5/7/1407-2/1/1428). (29)

29. Vũ Nụ Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, “An Nam Đô Thống Sứ Ti (5/7/1407-2/1/1428); *Kiên hay Không Kiện* (2015-2016), tập 2; dựa trên *Ming Shi-lu* [*Minh Thực Lục*], bản dịch Geoffrey Wade, National Univ of Singapore, data bae 2005; [“9000 người đến Kim Lăng nhận sắc phong;” q. 68, tr. 943] và quốc sử Lê, Tây Sơn, Nguyễn; [*ĐVSK, BKTT*, IX, Giu (1967), 3:232, 251; *CMCB*, XII:44- 45 ; (Hà Nội: 1998), I :757; *ĐVSKTB*, XI:32, The et al. (1997), tr. 548ff]. Về Petrus Key, xem Vũ & Đỗ, *Kiên hay Không Kiện*, tập 3: Bồ túc, tr 363-383; Nguyễn Vũ, “Góp phần nghiên cứu Pétrus Key;” trong *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston: Văn Hoá, 2002), tr 157-270. Bài này đã được cập nhật, phổ biến trên websites Hợp Lưu [hopluu.net].

Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền hay Nguyễn An Ninh rõ ràng đi trên những con đường quang minh hơn; đó là ao ước cho người Việt thấm nhuần văn hoá Pháp hầu tìm lại một căn cước mới, chuẩn bị ngày giải phóng đất nước—và, có thể với ước mơ trở thành những Tôn Dật Tiên của Việt Nam như Sarraut phỏng đoán năm 1913. Bản thân họ trải qua những trần trở khủng hoảng trên hành trình tìm một ý thức hệ và khuôn mẫu tổ chức một nước Việt Nam mới. Điều những trí thức sinh hoạt khá lâu ở ngoại quốc này cùng san xẻ là nỗi bối rối trước ngã ba, ngã tư đường hiện đại hóa và toàn cầu hóa—nên phân vân, lưỡng lự giữa tư bản tả phái [xã hội] và Quốc tế Vô Sản, cộng hòa, dân chủ Pháp và quân chủ chuyên chế, rồi quân phiệt Trung Hoa. Nhưng tả hay hữu phái, họ đều có dịp chứng kiến, hoặc tham dự, sinh hoạt chính trị, văn hóa, tôn giáo và đặc biệt kinh tế tại những quê hương tạm thời. Họ cũng được chứng kiến hoặc tham dự các nghiệp đoàn hay ái hữu của giai tầng lao nông đặc thù của thời đại họ như **Hội Ái Hữu Dầu Bếp** (tháng 3/1922), **Đông Pháp Tương Ái** (1923, 108 hội viên), **Hỗ trợ Áu Nhi hội** (30/6/1939), **Khuyến Học Hội**, (13/1/1928), **Liên Minh Di Dân Đông Pháp** (17/5/1930), **Hội Ái Hữu Sinh Viên**, **Hội Duy Nhất Đông Pháp** (1930), trong nỗ lực liên minh giữa sinh viên du học và dân đi tàu của nhóm Hồ Tá Khanh, Nguyễn Khánh Toàn, với sự trợ giúp của Đảng Marxist-Leninist Pháp, cùng Nguyễn Ái Quốc “đang ở Nga,” Phan Văn Trường, v.. v...(30)

30. CAOM (Aix), SLOTFOM, Series III, carton 1 & 24. Tóm lược bằng Việt ngữ trong Nguyễn Vũ, *Paris: Xuân 1996* (1997), tr 102-110.

Chỉ những người có cơ hội rời quê hương Việt Nam, thoát khỏi cánh cổng khép kín của nhà tù khổng lồ Pháp, hướng về những cường quốc đang lên, mới tri nghiệm được yếu tố địa lý-chính trị-kinh tế tiếp cận lân bang khổng lồ phía bắc.

Tại Trung Hoa, cuối năm 1920-đầu 1921, qua sự giới thiệu của Thái Nguyên Bôi, Hiệu trưởng Đại học Bắc Kinh, và bản dịch qua Hán ngữ bài nghiên cứu về nước Nga của một tác giả Nhật, Cử nhân Châu tiếp xúc hai cán bộ Nga và CSQT—tức trưởng đoàn Lao Nông [Krestintern], Iunix hay Grigorij Voitinskij, đang tham quan Trung Hoa, và người phiên dịch tiếng Trung Hoa [Khodorov] của Đại sứ Lạp Gia Hãn [Đại sứ Karakhan]. Tuy nhiên, không đi đến kết quả nào vì Phan Bội Châu không quen người thạo tiếng Anh, và có phần ngại ngần trước đòi hỏi phải tuân theo và rao giảng thuyết Cộng Sản. (31)

31 NB (Chương Thâu); *PBCTT* (2001), VI:251-232, 294chú 628, 629, 630; Anatoli A Sokolov, *Quốc tế Cộng Sản và Việt Nam*, bản dịch Đào Tuấn (Hà Nội: 1999); tr 29-48; Marr, *Anti-colonialism*, 1971, p 240.

Bốn năm sau—khi Tôn Dật Tiên đã ký tuyên cáo chung ngày 26/1/1923 với Abram Adolph Joffe [tức **Adolph Abramovitch**], về lại Quảng Châu vào tháng 2/1923, đón nhận Mikhail Borodin làm đặc sứ, và Vaxilij Bljukher (tức Galin), cố vấn quân sự; rồi triệu tập Đại hội THQDD lần **thứ nhất** vào cuối tháng 1 đầu tháng 2/1924, chính thức khởi đầu **liên minh Quốc Cộng** (Chủ tịch đoàn: 5 người, kể cả Lý Đại Chiêu. BCH.TU, 24 người (3 CSTH) ; 17 UV/DK : 7 CSTH).và rồi **ký hòa ước hữu nghị Nga-Trung 31/5/1924**, nhận viện trợ của Nga để tái tổ chức chính phủ liên hiệp Quảng Đông với các cá nhân của Đảng CSTH— Phan Bội Châu bỏ nhiều thời gian đọc về Lenin và Trotsky, đồng thời dùng bài học cổ sử Trung Nữ Vương, cùng huyền thoại Phạm Hồng Thái (Phan Đài, 1896-1924)—để dự đoán một cuộc cách mạng xã hội của liên minh lao động và nông dân, dưới sự lãnh đạo của giới trí thức giác ngộ.(32)

32. NB (Chương Thâu), *PBCTT* (2001), VI:257-262; “Phạm Hồng Thái truyện” [1959], bản dịch Việt ngữ Lê Thuớc (1967); *PBCTT* (2001), V:337-372; phụ bản 2: Tuyên bố của VNQDD, *Ibid.*, pp 373-375.

Trong một tác phẩm in năm 1923 tại Thượng Hải, với tựa *Thiên hồ, Đế hồ [Trời Oi, Đế Hời]*, Phan Bội Châu còn vạch mặt nạ thực dân Pháp lợi dụng Ki-tô giáo để chinh phục các lãnh thổ xa lạ, và tận diệt những chủng khác giống—một lời tố cáo mạnh mẽ của Karl Marx và chủ thuyết cách mạng [**revolution**] con hoang của Giáo Hội La Mã. (33)

33. Phan Thị Hán, *Thiên Hồ Đế Hồ*, (26/2/1923); *PBCTT* (2001), V:263-310 [quốc ngữ]; 575-631 [chữ Hán]; tựa của Hồ Thích (8/1 năm 12 [p265], Thảm Quân Nho [Nhu], và Cảnh Định Thanh].

Những viên chức thuộc địa như Sarraut, Charles, Pasquier, và rồi Alexandre Varenne v.. v... —dù bảo thủ hay tiến bộ, chống hay theo Giáo hội Ki-tô—khó thể liên kết với những cá nhân thực sự “văn minh” hay “Pháp hoá.” Cảm tình cá nhân trở thành vô nghĩa trước sứ mệnh và nhiệm vụ thực dân, và quan điểm cá nhân đã phải hy sinh cho quyền lợi quốc gia Pháp, tiếng nói lương tâm và lẽ phải bị tắt lịm trước trách nhiệm và quyền lợi. Sự mâu thuẫn giữa nỗ lực truy tìm thiện, mỹ và chân lý của các học thuyết tư tưởng tư sản Tây phương, và nhu cầu cùng trách nhiệm xâm chiếm thuộc địa, mang lại lợi nhuận cho quốc gia Bảo hộ cùng danh vọng cho chính bản thân, phe nhóm và gia đình mình, khiến những kẻ đi khai hoá và người bị khai hoá ngày càng xa cách, hoài nghi nếu không phải thù hận, dù hóc cách biệt văn hoá ngày một thu hẹp.

Dẫu vậy, chính sách tương đối cởi mở của Sarraut không làm hài lòng phe bảo thủ thuộc địa. “Hầu tước” Henri de Montpezat, Chủ báo *La volonté indochinoise* [*Ý chí Đông Dương*], Nghị sĩ đại diện An Nam/Tonkin, là một trong những người công kích mãnh liệt nhất. Vấn đề khiến Montpezat cực kỳ khó chịu là Sarraut đã mở cổng Lycée Hà Nội, tức cho phép các thanh thiếu niên Việt được ngang hàng với trẻ em người Pháp trong lãnh vực học vấn. Montpezat càng bất mãn hơn về việc mở lại Đại học Hà Nội, vì các khuôn viên Đại học sớm muộn sẽ trở nên những trung tâm tạo loạn.

Một sát thủ vô danh đã bắn Sarraut tại một chợ phiên Hà Nội, nhưng Sarraut may mắn thoát chết.(34)

34. Nguyễn Xuân Chữ, *Hồi ký*, 1996, tr. 130.

B. MAURICE LONG (2/1920-4/1922):

Ngày 20/5/1919, Sarraut về nước nghỉ. Maurice Monguillot, Tổng Thư Ký Đông Dương, tạm xử lý thường vụ cho đến ngày Dân biểu Maurice Long qua nhiệm chức vào tháng 2/1920. Charles cũng về hưu vào tháng 5/1919, và Honoré Tissot tạm quyền chức Khâm sứ cho tới khi Pasquier thay Charles ngày 5/5/1921.

Đại cương, Long, cũng thuộc Đảng Xã hội Cấp tiến như Sarraut, tiếp tục chính sách hợp tác, nhưng thận trọng hơn, vì sự chống đối của Pháp kiều như phe nhóm Ernest Outrey và Henri Chavigny, một người lai Martinique, chủ bút *L'Impartial* [*Trung Lập*] từ năm 1917. Long tuyển những giáo sư Pháp có bằng giáo dục (*agrégé*) qua giảng dạy. Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ được tăng từ 6 tới 10 đại biểu (“Hội đồng”) người Việt. Long còn thiết lập ngạch công chức thuộc địa, gọi là “*cadres latéraux*.” Long cũng bán quốc trái để sửa lại cầu Doumer bắc ngang sông Hồng, nối Gia Lâm với Hà Nội—nguyên trước kia chỉ dùng cho đường xe lửa—nay có đường đi cho xe hơi và xe đạp.

Long còn nghĩ đến việc chấn chỉnh quan trường. Ngày 27/10/1919, Nguyễn Phước Tuấn được lệnh ra Chi cấm các quan lại An Nam thâu lễ vật, đồ biếu xén, sêu Tết. Để chuẩn bị cho chỉ dụ này, Tổng đốc Thân Trọng Huề—một phò mã, vai chú rể Nguyễn Phước Tuấn—phải trích dẫn cả lời “thống trách thời sự” của một người dân rằng, “*Than ôi! Than ôi! Sanh buổi đời này, cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan!*”(35)

35. *Nam Phong* (Hà Nội), số 26 (8/1919), tr. 91-5. Bài này còn được trích đăng trên một số báo, như *Trung Bắc Tân Văn*; Ibid., số 30 (12/1919), tr. 530.

Sau khi chỉ dụ ban ra, Tổng đốc Phạm Văn Thụ viết một bài tán tụng với những câu biền ngẫu:

Than ôi! Một găm cút sắt, bỏ bỏ nồi canh, nói ra thẹn mặt, nghĩ đến giết mình.... Vậy thì vâng lời chiếu đỏ, rửa tấm lòng đen, ấy là trách nhiệm quan lại ta phải kíp sửa mình...(36)

36. Đoàn Viên Phạm Văn Thụ, “Độc Thánh dụ hữu cảm;” Ibid., số 30 (12/1919), tr. 524-26; Phạm Thị Ngoạn 1993, tr. 39.

Ngày 19/4/1920 Nguyễn Phước Tuấn còn ra Dụ thành lập Viện Dân biểu. Bầu cử tại các tỉnh bắt đầu ngày 22/8/1920.(37)

37. *Journal Officiel de l'Indochine Francaise (JOIF)*, số 39, ngày 15/5/1920, và Nghị định ngày 24/5/1920; Ibid., số 48, ngày 16/6/1920; dẫn trong Báo cáo đệ nhị lục cá nguyệt 1922 của Tissot; CAOM (Aix), Amiraux 64225.

Ngày 15/4/1922, sau khi Sarraut lên làm Bộ trưởng Thuộc địa, Long về Pháp tham khảo, nhưng trên đường trở lại Đông Dương chết bệnh ở Colombo ngày 15/1/1923. Francois Baudoin, Khâm sứ Căm Bốt, được xử lý thường vụ cho tới ngày 10/8/1923, khi Martial Henri Merlin đến Hà Nội. Baudoin tiếp tục những công trình của Long như xây cất đường xe lửa nối liền Đà Lạt với miền duyên hải, sửa sang cảng Sài Gòn và cầu Doumer ở Hà Nội, lập các phòng thương mại hỗn hợp. Ngoài ra, Baudouin bãi bỏ tục “lương điền” ở Bắc Kỳ.(38)

38. Báo cáo ngày 9/8/1923, Baudouin gửi BTTĐ; Ibid., INF, carton 405, d. 3461.

Trường Hậu Bô, thành lập năm 1911, cũng được cải tổ. Từ tháng 10/1919, Huế mở phân khoa Pháp-Chính của Đại học Hà Nội để thay trường Hậu bô. Tuy nhiên, trường chỉ dạy tới năm thứ hai; lên năm thứ ba, học viên ngành Hành chính phải ra Hà Nội chuẩn bị thi mãn khoá. Số học viên ứng tuyển mỗi năm một đông. Từ năm 1920, lần đầu tiên số người ứng tuyển nhiều hơn số ghế dự định tuyển chọn. **Cửu phẩm văn giai Ngô Đình Diệm**—người từ năm 14 tuổi đã nhận được ơn trên cai quản dân Việt, **nên xin tập ấm**, trở thành một trong những học viên, tốt nghiệp năm 1922.(39)

39. Ibid., Amiraux 51122 và 64224 (code cũ: GGI, F03-62).

Việc dạy chữ quốc ngữ mới cũng được thống nhất, từ nay đặt dưới quyền điều động của Tổng Nha Học chính Công lập (Dụ ngày 14/7/1919). Mỗi làng sẽ chịu trách nhiệm thành lập trường hương học bằng cách trích ra một phần thuế thân và thuế ruộng đất; ngân sách tỉnh chi phí cho các trường huyện và tỉnh. Tại Huế, năm 1917 Sarraut đặt viên đá xây dựng trường nữ trung học Đồng Khánh, chính thức

khai giảng ngày 24/9/1920—một diễm son của chế độ Pháp, vì suốt các triều vua Việt tự chủ, đại đa số phụ nữ không được đến trường. Hai quận chúa của Trần Nguyễn Đán, hay Nguyễn Thị Lộ, vợ nhỏ Nguyễn Trãi, Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm, hay Học phi của Nguyễn Phước Thời là những trường hợp ngoại lệ. Tục ngữ có câu: “Đàn ông chớ đọc Phong Trần; Đàn bà chớ đọc Thúy Vân, Thúy Kiều.” Dù trên thực tế, không ít phụ nữ Việt thuộc lòng cả hơn 2,000 câu thơ của Nguyễn Du. Một trong những nữ sinh vào trường Đồng Khánh được chú ý nhất là Phan Thị Mê—con gái Phó bảng Trinh được tiếp tục hưởng học bổng giống như anh trai, sau khi Dật chết năm 1921.

Tại các trường ở Vinh, Qui Nhơn và trường nữ Đồng Khánh, bắt đầu từ năm 1920, mở thêm một lớp tiểu học bổ túc cho những người có bằng tiểu học để đào tạo hương sư, và những người xuất sắc có thể vào năm thứ hai trường Quốc học. Một số phụ nữ tân thời đã gia nhập ngành thuốc hay y tá. Không thiếu tiểu thư khuê các—như trường hợp Hoàng Thị Nga, hay Jeannette Nguyễn Hữu Thị Lan—còn sang tận Pháp du học.

Tuy nhiên, nói chung, việc giáo dục công lập còn rất hạn chế. Tại các tỉnh miền Trung, vào năm 1920, mới có ba trường có lớp nhất (*cours supérieur*) tại Bình Định, Sông Cầu [Tuy Hòa], Quảng Nam), và 5 trường có lớp nhì (*cours moyen*) tại Thanh Hoá, Phan Rang, Kontum [Pháp và thổ ngữ dân bản xứ], Ban Mê Thuột [Pháp và Ê-đê hay Rhadé]).

Tuy nhiên, giao tình giữa Tissot và Nguyễn Phước Tuấn gặp nhiều trở ngại. Ngày 10/7/1920, Nguyễn Phước Tuấn làm đơn xin từ chức từ ngày 14/7 năm đó, để nhường ngôi cho Vĩnh Thụy. Do sự can thiệp của Long, vua đồng ý rút lại đơn thoái vị, đổi lấy điều kiện thay Tissot bằng Pasquier càng sớm càng tốt.(40)

40. Ibid., INF, carton 405, d. 3460.

Tại Huế, năm 1922, Pasquier—dù đã được bổ nhiệm từ tháng 10/1920, nhưng ngày 5/5/1921 mới nhậm chức, với món quà tặng của Long cho Nguyễn Phước Tuấn là chiếc ô-tô *Limousine*—lại tái tổ chức Viện Cơ Mật. Thân Trọng Huề, một phò mã thuộc phòng Hường Cai, thay Đoàn Đình Nhàn (Duyệt); nhưng trông coi hai bộ Binh và Học, trong khi Hồ Đắc Trung cai quản bộ Lễ và Công. Thái Văn Toản, một phò mã khác, Tham tá hạng hai từ ngày 1/1/1921, làm Ngự tiền Tổng lý. Năm sau, Tôn Thất Hân về hưu. Do sự vận động của Giám mục Huế, Bài được thăng tước Đông Các, thay Hân làm Cơ Mật viện trưởng, kiêm Thượng thư Bộ Lại. Trung chỉ còn giữ bộ Lễ. Huề vẫn nắm hai bộ Binh và Học. Ba tân Thượng thư coi bộ Hộ (Phạm Văn Thụ), bộ Công (Võ Liêm), và bộ Hình (Trần Đình Bách). Như thế, triều đình lại có 6 Thượng thư, trông coi 7 bộ.

Ngày 25/10/1922, Pasquier đổi tên Phân khoa Pháp chính của Đại học Hà Nội tại Huế thành Trường Sĩ Hoạn An-Nam [*Ecole des Hautes-Etudes du gouvernement Annamite*], nhưng chỉ hoạt động tới năm 1924, khi tất cả các công chức và quan lại đều phải tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Pháp-Chính Hà Nội—một học hiệu được các tiểu thư xinh đẹp xếp hạng ưu tiên trong việc hôn nhân, qua câu ca dao, “phi Cao Đẳng bắt thành phu phụ.”(41)

41. CAOM (Aix), GGI, Amiraux 51122.

III. SỰ SUY TÀN CỦA VƯƠNG QUYỀN:

Tháng 6/1919, giữa men say chiến thắng “Đức tặc,” các giới chức Pháp xông vào vì một biến cố nhỏ, nhưng đáng lo ngại: Ngày 18/6/1919, báo *L'Humanité* [Nhân Đạo] của Đảng Xã Hội Pháp đăng thỉnh nguyện thư của “Một đoàn người An Nam yêu nước.” Bản thỉnh nguyện này gồm 8 điểm: Xin ân xá tù nhân chính trị; cải cách pháp luật để người An Nam được bảo đảm các quyền pháp định tương tự như người Âu; Tự do báo chí và tư tưởng; Tự do lập hội và hội họp, Tự do di trú và du lịch ra ngoại quốc; Tự do giáo dục; và đòi hỏi thành lập trường dạy nghề ở các tỉnh; Thay đổi chế độ cai trị với sắc luật bằng chế độ pháp trị; và, Được bầu một phái đoàn thường trực bên cạnh Quốc Hội Pháp. Cũng ngày 18/6/1919, thỉnh nguyện trên được gửi đến các phái đoàn đồng minh đang họp ở Versailles để giải quyết số phận Germany [Đức], Hungary [Hung] và Austria [Áo]. (42)

42. *L'Humanité* (Paris), 18/6/1919; trích đăng trong Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, tập I (1997), tr. 191. Thư trả lời của Phái đoàn Mỹ ngày 20/6/1920 [1919] cho Nguyễn Ái Quốc; CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries III, carton 3; Declaration of Nguyen Ai Quoc on Sept 17, 1920 [1919]; **SPCE 364**; William J Duiker, *Ho Chi Minh*, (NY: Hyperion, 2000), p 36.

Từ đầu tháng 7/1919, xuất hiện ở khu vực Mutualités và phố Ecoles (Quận V, Paris) một người trung niên mảnh khảnh với một quần [thượng sĩ] lính thợ Việt, hang hái phân phối một số truyền đơn với nội dung tương tự. Điểm khác biệt là trong truyền đơn này “**Đoàn người An Nam yêu nước**” được đại diện bằng “**Nguyễn Ái Quốc**.” (43)

43. CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries 2, carton 6; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, tập I (1997), tr. 268.

Nhân vật Nguyễn Ái Quốc nói trên cuối cùng được an ninh Pháp khẳng định là **Nguyễn Sinh Côn (1892-2/9/1969)**, gốc Nghệ An; con thứ ba Phó bảng Nguyễn Sanh Huy và Hoàng Thị Loan (chết năm 1901). Tài liệu tuyên truyền CSVN khai sinh cho Côn tên **Nguyễn Sinh Cung**, nhưng chưa ai tìm thấy dấu vết tên này trong các văn khố. (44)

44. Trần Văn Giàu và Trần Bạch Đằng, *Vàng Trong Lửa* (TP/HCM: 1990), tr. I-1-5; Pierre Brocheux, *Ho Chi Minh: Du Révolutionnaire à l'icône* (Paris: Payot, 2003), pp 22-23.

Theo Sokolov, trong đời hoạt động, Côn dùng đến hơn 150 bí danh và bút hiệu. Nổi danh nhất là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh, Lý Thụy, Trần Dân Tiên. Ngày sinh của Côn cũng biến đổi từ 15/1/1895 tới 1899. Sinh nhật 15/1/1895 tìm thấy trong thông hành mang tên Chen Vang [Trần Vương], thợ ảnh người Tàu sinh ở Đông Dương. Năm sinh 1899 được Linh Mục/Cao Ủy Georges Thierry

d'Argenlieu ghi trong nhật ký sau cuộc gặp mặt đầu tiên ở Vinh Hạ Long ngày 24/3/1946. (45)

45. Sokolov, *Quốc tế Cộng Sản và Việt Nam*, (1999); tr 288n17. Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lê-nin* (Hà Nội: 1980), tr 68-69; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I (1997), tr 232-233; Amiral Thierry d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), pp 239 [239-240]).

Năm sinh 1892 được Côn ghi trong hai lá đơn xin vào tất trường Thuộc Địa Pháp năm 1911. Riêng ngày sinh 19/5/1890 được công bố ngày 17/5/1946, kèm theo lời kêu gọi dân chúng treo cờ đỏ sao vàng trong ba ngày—đúng dịp Linh mục Cao Ủy Thierry d'Argenlieu đến thăm Hà Nội. (46)

46. *Cứu Quốc* [National Salvation] (Ha Noi), 17 May 1946; Vu Ngu Chieu, “Political and Social Change” (1984), chapter 9, 12; Idem., “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet Nam, 4-8/1975;” *JAS* (Feb 1986); Chính Đạo, *VNNB, I-A: 1939-1946* (1993), tr 333; Idem., *Hồ Chí Minh*, I (1997), tr 40.

Khi viết di chúc ngày 19/5/1965, Côn còn ghi “tôi đã 75 tuổi.” (47)

47. *President Hồ Chí Minh's Testament* (Ha Noi: The Gioi, 2001), pp 13-[15];

Tuy nhiên, có dư luận cho rằng Côn đã công bố ngày sinh nhật 19/5/1890 chỉ nhằm mục đích bắt dân Hà Nội treo cờ suốt thời gian d'Argenlieu ở Hà Nội và miền Bắc. Đồng thời, ngầm biểu dương sức mạnh chính trị của “Hồ Chí Minh.” Bởi vậy, chúng tôi ghi năm sinh 1892 đi đôi với tên Nguyễn Sinh Côn; trong khi ghi ngày sinh nhật 19/5/1890 đi với bí danh Hồ Chí Minh.

Về học vấn, Normet, một thanh tra Y khoa Pháp, dẫn lời một linh mục từng ở Đông Dương rằng thờ nhỏ Nguyễn Sinh Côn theo Linh mục Theodore Guignard tu học, rồi bỏ tu sau khi Guignard chết. (48)

48. CAOM (Aix), PA 28, carton 7, d 158.

Chúng tôi đã tham khảo tài liệu về nhà truyền giáo xứ Muồng này tại Rue de Bac nhưng chưa phát hiện được dấu vết Nguyễn Sinh Côn.

Bernard B Fall—người viết rất nhiều về Đông Dương—cho Côn theo học “**lycée de Vinh**.” Việc này khó thể xảy ra, vì mãi tới năm 1898 mới thiết lập tòa công sứ Vinh; và cũng năm này mới có trường tiểu học Pháp-Nam [Franco-Annamite] Nghệ An. Số trẻ Pháp quá ít để có “lycée de Vinh.” Năm 1904, tại Vinh chú bé người Pháp lớn nhất mới 4 tuổi, vẫn chưa thể có “lycée;” trong khi trường Pháp-Nam có 24 học trò Việt. Họa sĩ Lê Văn Miên phục vụ tại trường này từ năm 1898, gián đoạn một thời gian ngắn ở Huế năm 1904—nên rất ít có cơ hội dạy bảo Nguyễn Sinh Côn.(49)

49. Rapport sur le fonctionnement de l’instruction publique en Annam (12/8/1904); CAOM (Aix), Amiraux, 5923; Trần Văn Giàu và Trần Bạch Đằng, *Vàng Trong Lửa* (1990), tr I-11.

Thông tin duy nhất về học vấn thuở thiếu thời đã phát hiện là văn thư ngày 7/8/1908, của Giám đốc trường Quốc học gửi Phòng Nhân viên [số 1] Tòa Khâm sứ An Nam, để trả lời thư ngày 4/8/1908: chính thức cho biết có thể nhận Nguyễn Sinh Côn vào trường Tây TỰ Quốc Học từ niên khóa 1908-1909. Nguyễn Sinh Côn là cựu học sinh trường Pháp Nam Thừa Thiên. Bên lề ghi chú: “**Le né Nguyễn Sinh Côn est admis comme élève au Quốc Học;**” [Nguyễn Sinh Côn được nhận vào Quốc Học]. Kèm theo là con dấu ngày 8/8/1908. (50)

50. CAOM (Aix), Indo, Annam, RSA, carton R1; in lại trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Kiên hay Không Kiên?*, I:11 [Phụ bản tài liệu 2], III:15; *Hop Luu Magazine*, No. 84 (8-9/2005), tr 193.

Có lẽ Côn được nhận vào ngôi trường danh tiếng này—nơi Phan Chu Trinh từng theo học lớp Hậu Bổ từ 1903 tới 1905, nhưng sau cuộc cải cách năm 1906, phân khoa Hậu Bổ đã chuyển sang trường Hậu Bô—vì cha Côn, Phó bảng Huy, đang giữ chức Thừa biện Bộ Lại [tước tòng thất phẩm, VII-2, từ năm 1906]. Như thế Côn được vào Quốc Học **sau** cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Huế (xảy ra trong khoảng 9-14 [17] tháng 4/1908), nên không thể bị đuổi khỏi trường vì tham gia biến cố trên như các huyện thoại “nhân dân” hay ngoại quốc hoang tưởng. (51)

51. Báo cáo ngày 23/10/1905; CAOM (Aix), Indo, RSA, R1; GGI [Amiraux], d. 7707, 64211 [Gougal, F03-62]; Báo cáo ngày 4/5/1908, R Thua Thien gửi RSA, pp. 1-2, 8; GGI, d. 5887, 9620; **SPCE 364**; Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Kiên hay Không Kiên*, tập 3 (2016), tr 15; Brocheux, *Ho Chi Minh*, 2003, pp 24, 268-269,n9.

Ngày 17/1/1910, sau khoảng nửa năm ngôi Tri huyện Bình Khê (từ 1/7/1909) tỉnh Bình Định—nơi những cuộc biểu tình của “giặc đồng bào” mùa Xuân 1908 dữ dội và kéo dài lâu nhất—Phó bảng Huy bị cách chức điều tra vì tội nghiện rượu và tàn ác với dân chúng [ngộ sát]: Trong cơn say, Huy lỡ tay đánh một nông dân cứng đầu khiến nạn nhân ốm chết tại nhà hai tháng sau, nhưng được che chở nên ngày **19/5/1910** chỉ bị Phủ Phụ Chính phạt 100 trọng, cách bốn cấp. xuống làm **thứ dân**. Ngày 27/8/1910, bản án trở thành chung thẩm. Huy lưu lạc vào Nam Kỳ. Hai anh em Côn bỏ học. Côn phiêu dạt tới Sài Gòn. Tháng 7/1911, Côn rời Sài Gòn như chân phụ bếp/bồi tàu *Đô Đốc Latouche Tréville* của hãng *Messageries Maritimes*. (51)

51. “Biographie de Ho Chi Minh;” (1949) CAOM (Aix), 19 PA, carton 4, d. 62; Service de Contrôle et d'Assistance en France des Indigènes des Colonies francaises [SCAFI], “Notice sur Nguyen Ai Quoc (26/6/1932);” Ibid., INF, carton 326, d. 2637; Trần Văn Giàu và Trần Bạch Đằng, *Vàng Trong*

Lửa (1990), tr. I-30; Brocheux, *Ho Chi Minh*, 2003, pp 268-269. Cần xác định, cha Côn là Phó bảng Huy; Sắc chỉ là tước danh ngoài đời.

Tới Marseille, ngày 15/9/1911, Côn (số ghi danh **Marseille 2313**, với tên giả Nguyễn Tất Thành, nhưng đề địa chỉ hãng tàu *Messageries Maritimes* ở Marseille) viết tay hai đơn gửi Tổng thống Pháp và Bộ trưởng Thuộc Địa xin được đặc cách vào trường Thuộc Địa (*Ecole coloniale*), trung tâm huấn luyện và nuôi dưỡng cán bộ bản xứ tương lai của Pháp từ năm 1887. Trong thư ngày 12/10/1911, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Trường Thuộc Địa cho Phòng Nhân Viên (Ban I), Bộ Bộ Thuộc Địa biết đơn của Côn bị bác. vì không được chính phủ Đông Dương gửi qua. (52)

52. CAOM (Aix), Ecole Coloniale; Vũ Ngự Chiêu & Nguyễn Thế Anh, *Một ngôi trường khác cho Nguyễn Tất Thành / Another School for Young Nguyen Tat Thanh / Une autre école pour le jeune Nguyen Tat Thanh* (Paris: Van Hoa, 1983); *Đường Mới* (Paris), số 1 (1983), tr 13-17.

“Paul” Thành—một trong những bí danh Côn dùng để viết cho Phan Chu Trinh ít nhất 5 lá thư trong giai đoạn 1912-1915—đành tiếp tục nghề thủy thủ, lênh đênh nay đây mai đó.(53)

53. Báo cáo của Caron; CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries III, Carton 29. [Một trong những lá thư này, viết năm 1914, in trên *Bách Khoa* năm 1974, số E, đặc biệt tưởng niệm Phan Chu Trinh].

Côn cũng viết thư cho anh, Tất Đạt, và chị cả, Thị Thanh. Trong thư năm 1912, Côn yêu cầu Đạt làm thỉnh nguyện với Toàn Quyền Sarraut, xin thuận cho Côn vào trường Thuộc Địa. (54)

54. CAOM (Aix), **SPCE 364**; Duiker, *Ho Chi Minh*, 2000:587n6.

Thư gửi cho chị ruột và Khâm sứ An Nam thì bày tỏ ước muốn Phó bảng Huy sẽ được phục chức. Tất cả những lá thư trước Thế Chiến thứ I chứng tỏ Côn vẫn còn nuôi mộng làm quan cho cha và bản thân mình. (55)

55. Ibid., **SPCE 364, 367**; Duiker, *Ho Chi Minh*, 2000:587ns4, 6; 588n9.

Thời điểm 1919-1920 mà Nguyễn Sinh Côn đột ngột xuất hiện ở Paris, nhiều biến cố đáng ghi nhận trên thế giới cũng như tại Việt Nam.

A. Trước hết, Thế Chiến Thứ I đã ngưng tiếng súng ngày 11/11/1918. Đầu năm 1919, phe chiến thắng tụ họp ở Versailles, cách thủ đô Paris 20 cây số về hướng tây nam, để vẽ lại bản đồ chính trị thế giới. Chủ thuyết “Tự Trị” [*self-determination*] của Tổng thống Mỹ [Thomas] Woodrow Wilson (1913-1921) được các nước nhược tiểu nhiệt liệt ủng hộ. Việc thành lập Hội Quốc Liên [còn gọi là Vạn Quốc] cũng tạo niềm hy vọng cho một kỷ nguyên mới.

Hơn ba tháng sau—trong khi Mật thám Pháp bám sát Nguyễn Ái Quốc và truy tầm hộ tịch nhân vật đang lên này—*Yshi Pao* của Hội truyền giáo Tin Lành Mỹ tại Thiên Tân, Trung Hoa, đăng hai bài về Nguyễn Ái Quốc trong hai ngày 18 và 20 tháng 9/1919. (56)

56. “Tiếp tục chiến dịch thiện cảm với dân An Nam trên báo *Yshi*.” CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries I, carton 2. **Xem Phụ Bản XVIII-1.**

Đáng lo ngại hơn, an ninh Pháp khám phá ra những truyền đơn thỉnh nguyện thơ trong hành lý một số lính thợ hồi hương hay thủy thủ Việt. Hệ thống cảnh sát ngầm được tung ra theo dõi Nguyễn Ái Quốc. Tình báo Pháp, chẳng hạn, được tin Nguyễn Sinh Côn [Ái Quốc] từ London sang vào tháng 6/1919, tạm trú tại nhà Luật sư Phan Văn Trường. Ngày 25/7/1919 Côn còn cùng Nguyễn Như Chuyên—người cũng từng bị Trường Thuộc Địa từ chối năm 1910, và nạn nhân tội nghiệp của an ninh Pháp trong vụ bắt giữ phòng ngừa Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường—lấy tàu hỏa đi Toulouse thăm Phó Bảng Trinh. Một bản tin mật báo không ghi xuất xứ trong hồ sơ trên thêm chi tiết Côn đã tới Paris từ năm 1917. (57)

57. CARAN (Paris), F7-1305.

Thanh tra Mật Thám Đông Dương Paul Arnoux [Ac-núc], nhân dịp về Pháp nghỉ, tìm được ngay một số mouchards vây quanh Côn. Đặc lực nhất là Quân Lâm—tức “M Jean”—với tên thực Trần Quang Hàm, nhưng có thể liên hệ với Trần Quang Trứ, cháu thị vệ Trần Liên, từng gặp mặt và nhận lệnh Nguyễn Phước Hoảng “tàn sát hết bọn Tây” tối 3/5/1916. Việc sưu tra Côn được tăng cường từ đầu tháng 12/1919 vì “Jean” sắp đến ngày hồi hương. Ngoài ra, còn việc Cường Để, từ Trung Hoa, cũng gửi thỉnh nguyện cho Hội Quốc Liên, đòi tự trị cho Việt Nam. It lâu sau, Hoàng tử Vĩnh San từ Réunion cũng gửi thỉnh nguyện cho *L’Humanité*, nhưng báo này không đăng.

B. Thứ hai, chủ thuyết “**Công Hữu**” hay “**Công Sản**” [*Communism*] đã tìm được đất đứng ở Liên Xô Nga gần hai năm. Nguyên trước đây, Nga Hoàng Nicholas II (1894-1917) liên minh với Pháp và Bri-tên để chống lại phe Germany [Đức], Hungary [Hung] và Austria [Áo], Turkey [Thổ] và Bulgaria [Bảo Gia Lợi]. Để làm suy yếu phe Đồng Minh, Wilhem II yểm trợ **Vladimir Ilich Ulyanov**, tức “**Nikolai**” hay **V. I. Lenin (1870-1924)**, về nước lật đổ Nicholas II. Tháng 3/1917, rối loạn bùng nổ ở Pétrograd. Ngày 15/3, quân đội ngả theo phe làm loạn [cách mạng]. Hai chính phủ lâm thời của Hoàng Thân Georgii Lvov và Alexander Kerensky không ổn định nổi tình thế cũng như không giải quyết được tình trạng kinh tế suy thoái. Ngày 7/11, **Ulyanov** [Lê-nin] và Leon Trotsky lật đổ Kerensky, thiết lập chế độ Bolshevik (Bôn-Sê-Vích). Ngày này đi vào lịch sử Nga như “Cách Mạng Tháng Mười” [tính theo lịch Gregorian của Nga]. Ngày 3/3/1918, Lê-nin ký Hiệp ước Brest-Litovsk với Germany để chấm dứt chiến tranh, thuận cắt cho Germany rất nhiều đất đai. Lên án Lê-nin đã bán đứng nước Nga, phe Bảo Hoàng và quân đội nổi dậy. Nội chiến bùng nổ giữa phe Bôn-Sê-Vích và “Bạch Nga.” Lê-

nin cũng bị mưu sát nhưng chỉ bị thương nặng. Cuối cùng, phe Bôn-Sê-Vích thắng thế dần, dù Đồng Minh, kể cả Mỹ và Giáo hội Vatican, yểm trợ phe Bạch Nga.

Tháng 3/1919, Lê-nin thiết lập **Đệ tam Quốc Tế [Comintern]**, quyết xuất cảng “cách mạng vô sản.” Mục đích nhằm kích động các đảng Marxist-Leninist Âu châu nổi dậy lật đổ chính quyền tư bản, hầu giải nguy cho tình trạng bị cô lập của Nga. Vì thế, quan tâm hàng đầu của Lê-nin vẫn là các nước Âu Châu. Trong “Sơ thảo về vấn đề quốc gia và thuộc địa” đưa ra để biểu quyết tại Đại hội kỳ II của ĐTQT vào mùa Thu 1920, Lê-nin vững tin rằng công nhân vô sản Âu Mỹ sẽ đứng lên làm cách mạng, rồi hướng dẫn các “**bị khoai**” (nông dân) thuộc địa. Nhưng đại diện In-đi-a [India], M. N. Roy, cực lực chống ý kiến lấy Âu châu làm chính. Roy muốn khởi xướng cách mạng vô sản ở các thuộc địa, vì nếu bị cắt đứt khỏi những xứ này, các cường quốc thực dân sẽ suy yếu, mở ngõ cho cách mạng vô sản tại chính quốc. Lê-nin chỉ đồng ý sửa đổi vài đoạn nhỏ trong “Sơ thảo” của mình, chủ trương ưu tiên số 1 cho Âu Châu vẫn được Đại hội II ĐTQT thông qua.(58)

58. Xem Hélène Carrère d'Encausse và Stuart R. Schram, *Marxism and Asia: An Introduction with Readings* (London: 1969).

Sự ra đời của “**Đệ Tam Quốc Tế**” và “Sơ thảo” về vấn đề thuộc địa 1920, cùng tham vọng thực dân của các cường quốc Bri-tên hay Pháp ở Trung Đông, Nhật Bản ở Á Châu, và nhất là khuynh hướng tự cô lập của Quốc hội Mỹ—biểu lộ qua việc không đồng ý gia nhập Hội Quốc Liên—khiến chủ thuyết “Tự Trị” của Wilson chìm dần vào quên lãng.

Trong khi đó, Krem-li trở thành thánh địa của “Dân chủ vô sản” đối với những dân tộc bị các cường quốc tư bản thực dân thống trị và bóc lột. Nhiều phần tử chống đối thực dân ở Á và Phi Châu qui tụ về dưới mái Viện Công nhân Đông phương [tức Đại học Phương Đông (KUTV), thành lập tại Mat-sco-va ngày 21/4/1921, học tập lý thuyết và phương thức cách mạng **agitprop**], chờ ngày hồi hương. Trong số những học viên đầu tiên có thanh niên Đông và Tây Âu, cùng một số gốc In-đi-a, Trung Hoa, Phi Châu, v.. v... Đầu năm 1924, trường có 1,222 học viên, thuộc 62 chủng tộc với một ban giảng huấn khoảng 150 người. Ngân sách của trường lên tới 510,000 rúp mỗi năm. Nguyễn Sinh Côn có lẽ là “Lâm, hay Linov” theo học từ 1923 tới 1924, và rồi 1934-1938. Sau đó đến Iano và Nguyễn Thế Rục, cùng vào trường ngày 11/12/1925. Học giả Nga Sokolov ghi nhận đã có hơn 60 người Việt theo học các Đại học Nga, kể cả KUTV; trong khi tài liệu Pháp ghi 75 người. Tính đến năm 1940, 47 người Việt tốt nghiệp: 40 người từ Pháp, 7 gửi từ TH. (59)

59. AAN 1947, II:850; Sokolov, *Quốc tế Cộng Sản và Việt Nam*, (1999); tr 58-61, 64-65, 255, 262-263.

Từ năm 1919, đại diện Comintern [ĐTQT] Grigorij Voitinskij đã tới Trung Hoa, cây đặt cơ sở đầu tiên trong giới trí thức, thuộc Đại học Bắc Kinh. Tháng 3/1920, họ lập ra **Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mã Khắc Tư** ở Beijing. Rồi, hạt nhân **Gongchandang** tại Shanghai vào tháng 5/1920, và Beijing tháng 9/1920.

Tháng 11/1920, nhóm Shanghai xuất bản tờ *Gongchandang* [Cộng Sản Đảng]. Tới tháng 7/1921, Đại hội thành lập Đảng CSTH nhóm họp tại Thượng Hải, với 57 đại biểu, thay mặt 12 nhóm khác nhau. Mao Nhuận Chi, một giáo viên tiểu học ở Trường Sa, Hồ Nam, cũng tham dự.

Nghị quyết Đại Hội có vẻ rất truyền thống [orthodox] Marxist, nhấn mạnh vào độc quyền cách mạng vô sản [proletariat revolution], không liên minh với các nhóm khác. Sau đó, do đại diện ĐTQT khuyến cáo, sửa thành liên minh với giai cấp tiểu tư sản [bourgeois nationalists]. Tháng 12/1921, **Maring** [Henricus Sneevliet, một cán bộ gốc Dutch (Hòa Lan) sống tại Đông In-đi thuộc Hòa Lan [Indonesia ngày nay], tiếp xúc với lãnh chúa thân Bri-tên Ngô Bội Phu [Wu Peifu], ở Hoa Trung, tỉnh trưởng Hunan Chao Heng-ji, và Tôn Dật Tiên ở Guilin [Quế Lâm], gần Canton [Quảng Châu]. [Năm 1919-1920, Maring từng chủ trương liên kết giữa Đảng CS Đông In-đi [*Perserikan Komunis di India*] và phe xã hội đảng Sarekat Islam [Nghịệp đoàn Islam] nhưng thất bại; năm 1921 Sarekat Islam cắt đứt liên hệ. Không rõ Maring đã tự ý dàn xếp, rồi xin Ban Phương Đông phê chuẩn, hay hành động theo lệnh của Mat-scơ-va].

Tháng 1/1922, tại Đại hội thứ nhất của Công nhân Viễn Đông ở Mat-scơ-va và Petrograd. **Zinoviev** khuyến hai phe Trung Hoa nên liên minh vì mục đích chung [common cause]. Bởi thế, Đại hội II Đảng CSTH vào tháng 6/1922 ra quyết nghị liên minh với phe quốc gia tư sản. [*Mao không tham dự vì lạc địa chỉ*]. Năm này, sau khi Chen Qiung-ming [Trần Quýnh Minh] làm đảo chính, khiến **Tôn Dật Tiên** phải chạy lên Thượng Hải, C. A. Dalin, đại diện tổ chức Thanh niên của *Comintern*, và **Maring** đề nghị yểm trợ **Dật Tiên**, với điều kiện **Dật Tiên** chấp nhận liên minh với Đảng CSTH. **Dật Tiên** chỉ thỏa thuận cho đảng viên CS gia nhập QĐĐ với tư cách cá nhân. Maring đồng ý, triệu tập một phiên họp với BCUTW Đảng CSTH, bác bỏ ý kiến của đa số, đạt nghị quyết hợp tác Quốc-Cộng. **Tuyên bố chung Tôn Dật Tiên-Adolph Abramovitch ngày 26/1/1923 [21/1/1923?]** đánh dấu cuộc phiêu lưu thứ nhất của ba [3] liên minh Quốc-Cộng trong lịch sử Trung Hoa. (60)

60. Ba nghiên cứu xuất sắc về Cộng Sản Tàu là Maurice J Meisner, *Mao's China* (New York: Free Press, 1977), pp 14-30; Robert A. Scalapino, “The Evolution of a Young Revolutionary—Mao Zedong in 1919-1921;” *JAS*, Vol.XLII, No. 1 (Nov 1982), pp. 32n4 [29-61]; và Stuart Schram, *Mao Tse tung* (NY: Penguin Books, 1966, 1977), 62-70. Về liên hệ Trung Cộng-Việt Cộng, xem Vũ Ngụ Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Kiện hay Không Kiện* (2015-2016), và Idem., *Viết Từ Chân Đền Hùng* (2016).

Quyết định xoá bỏ những Hiệp ước bất bình đẳng với Trung Hoa của điện Krem-li, và rồi việc bành trướng ảnh hưởng của Sô viết Nga vào “người bệnh của Á Châu”—hay, nói theo Marx, “vật hóa thạch còn sống” [*a living fossil*—càng khiến các cường quốc tư bản quan tâm hơn về mối hiểm họa “Đỏ.” Hiện tượng “Sợ Đỏ” (**Red Scare**) lan rộng cả tới Liên bang Mỹ—đang trên đà chuyển mình thành một đại siêu cường của khối “Dân chủ tư sản.”

Sự chủ động của Vatican trong chính sách “chống Cộng” cũng mang lại những hậu quả trầm trọng tại Đông Dương. Ngoài giới tăng lữ—được chỉ thị [Papal bulls] chống Cộng bằng mọi giá, dù chẳng hiểu “Cộng Sản” là gì—còn có giới quan lại hợp tác chặt chẽ với Pháp của “văn phòng phụ thuộc nho nhỏ của tòa Khâm sứ Huế” (tức triều đình “An Nam”). “Pierre” Bài là giáo dân, đại thần cao cấp nhất được Giáo Hoàng tiếp kiến vào tháng 8/1922. Trong khi đó, từ năm 1923, Pius XI (1922-1939) đã phái TGM Leroy, dòng Jesuites ở TH, xuống khảo sát tình hình VN.

Năm 1924, tại 38 giáo phận Á Châu có 1,749,705 giáo dân Ki-tô trên tổng số 240,940,687 dân kể cả “infidèles.” [paiens.]. Đông Dương đôi chia thành 9 giáo phận: Hà Nội, Vinh, Hưng Hoá, Phát Diệm, Qui Nhơn, Huế, Sài Gòn, Pnom Penh, Lào. Năm 1933, thêm giáo phận Kontum, gồm 20,490 giáo dân trên tổng số 630,000 người. Phát Diệm đôi làm làm Thanh Hoá (47,489/1,500,000). Năm 1933 này, Việt Nam mới có một Giám Mục người Việt, Nguyễn Bá Tông. Ngày 20/5/1925, Pius XI cử TGM Constantin Aiuti, người Ý, làm Khâm Mạng thứ nhất; nhưng vài năm sau bị một giáo mục Việt giết ở Đà Lạt. TGM Colomban Dreyer, người Pháp, thay Aiuti, từ 1928 tới 1936. [Khâm mạng thứ ba là TGM Antonin Drapier (1937-1950)].

Lập trường chống Cộng được Giáo Hoàng Pius XI khởi xướng năm 1929, và rồi lập lại với Thánh dụ [l’Encyclique Divini Redemptoris] ngày 19/3/1937: chống Cộng, bài bác chính sách hòa hợp của Đệ Tam QT. (61)

61. *Etudes vietnamiennes*, No. 53 (1978), tr. 103.

Ngày Thứ Ba, 16/1/1962, khi tiếp Fowler Hamilton, Giám đốc US AID—có mặt Hoàng Khắc Thành, BT Kinh tế, Trương Bửu Khánh, GD HKVN (thông dịch viên), đại biện Truehart, Arthur Z. Gardner, GD USOM, và Henry Koren, Giám đốc Văn Phòng Đông Nam Á Vụ—Tổng thống Diệm gọi nhắc lại thành tích chống Cộng từ năm 1922, khi còn là một tri huyện. Diệm tự nhận đã nghiên cứu về Cộng Sản qua các tài liệu Switzerland [Thụy Sĩ], nên biết được các chiến thuật của CS. Vì vậy, Diệm trở thành tử thù của CS. Theo Diệm, Cộng Sản là sản phẩm của các chính phủ tả phái Pháp, và nhất là phong trào bình dân Pháp (1936-1938). Diệm và Võ Giáp (1911-2013) sinh ra ở hai làng lân cận. Diệm biết Giáp từ lâu, và ngược lại, dù Giáp trẻ hơn Diệm cả chục [14] tuổi. Diệm cũng nói về Hồ và những cuộc tiếp xúc với Hồ, mà theo Diệm đã lập nên sự nghiệp ở hải ngoại. Diệm còn tuyên bố sở dĩ từ chức năm 1933, ngoài tinh thần chống thực dân, còn vì không đồng ý với chính sách “chống Cộng” của Pháp. Từ 1922 tới 1962, lòng chống Cộng của Diệm không bao giờ lay chuyển. (II:42)

Nội dung buổi nói chuyện này chứng tỏ Diệm chẳng biết gì vai trò của địa bàn Trung Hoa cùng hoạt động của DALBURO Liên Xô Nga ở Vladivostok, Thượng Hải hay Hong Kong. Ngoài ra, Diệm có vẻ “rất linh động và sáng tạo” trong việc diễn giải thành tích dĩ vãng. Năm 1963, Đại sứ Henry Cabot Lodge đi đến kết luận, không hẳn đã chủ quan, rằng Diệm và họ Ngô thuộc loại “dối trá và tội phạm” [liars and criminals]. (62)

62. Memorandum of a Conversation, Diem's Meeting with Fowler Hamilton; Saigon, Jan 16, 1962;" *FRUS, 1961-1963, II: 1962*, (1990) pp 41-4 [TL 23];. Ibid., IV:TL 34 [IV:67, has acted as liars and criminals"], TL 69 [deception, IV:127], 77 [medieval view of life; IV:143], 221 [**nice, a good man who [is] living a good life by his own lights, ... but also a man who is cut off from the present, who is living in the past, who is indifferent to people as such and who is unbelievably stubborn**, IV:442].

C. Thứ ba, cuộc bảo hộ Đông Dương của Pháp bề ngoài ngày thêm vững mạnh. Cuộc chiến ở Âu Châu chỉ tạo được vài biến động nhỏ tại Việt Nam.

Biến cố đáng lưu ý nhất là vụ Nguyễn Phước Hoảng rời kinh đô tối 3-4/5/1916, nhưng cuộc "khởi nghĩa" không lan rộng quá lãnh thổ Quảng Nam.

Cuộc biểu tình của Phan Xích Long ở Sài Gòn (15/2/1916), hay cuộc nổi dậy ở Thái Nguyên của Đội (Trịnh Văn) Cán (?-1918), Lương Ngọc Quyến, Trần Trung Lập từ 31/8 tới 4/9/1917 cũng đều bị Pháp dẹp tan nhanh chóng. Mặc dù Đội Cán dẫn 250 người rút khỏi thị xã, ngày 10/1/1918 Đội Cán phải tự tử vì vết thương nặng trong trận đánh ngày 27/12/1917. Lương Ngọc Quyến hay Lương Lập Nham cũng bị hại vì ốm nặng qua những hành động ngược đãi của Darles, không thể đi đứng bình thường. Chỉ có Trần Trung Lập chạy thoát, trở nên lãnh tụ Kiến Quốc Quân, cùng tiến vào Lạng Sơn với Sư Đoàn 5 Ngự Lâm Quân Nhật mùa Thu 1940. (63)

63 Xem 1er Conseil de guerre permanent de la Cochinchine, *Attentat contre la prison centrale de Saigon (15 Février 1916), audience du 21er Février 1916, Réquisitoire du Lieutenant Héon* (Sài-gòn: C. Ardin, 1916), tr. 4-16; Báo cáo ngày 20/1/1918 của Đại tá Maillard; SHAT (Vincennes), 10H xxx [73]. Vũ Ngự Chiêu, "Political and Social Change" (1984), chapt I.

Vì "đề huê luận" trở thành một thứ thời trang tranh đấu, từ Á qua Âu, thỉnh nguyện tám điểm của "Đoàn Quốc Dân An Nam" công bố ngày 18/6/1919 được sự ủng hộ của cả Đảng Xã Hội Pháp, và Hội truyền giáo Tin Lành Mỹ tại Thiên Tân. Việc Cường Đê sai Lê Văn Phan bắn chết Phan Bá Ngọc tối 11/2/1922 ở Hàng Châu vì nghi oan Ngọc—một cộng sự viên đắc lực của Phan Bội Châu từ ngày còn mưu việc lớn ở Nghệ An-Hà Tĩnh ra tới hải ngoại—đã mật báo cho Pháp bắt Mai Lão Bạng, Phạm Cao Đại và Nguyễn Đình Kiên có lẽ phức tạp hơn những thông tin đã công bố. Thực ra Ngọc không dính líu vào vụ này. Nhưng với cán bộ "Cộng Sản," điều này không quan trọng. Quan trọng là "**bạo lực cách mạng**" khiến mọi người sợ hãi, phải cúi đầu tuân lệnh, hay ngừng hiện hữu. Cường Đê, dĩ nhiên, không ưa Ngọc từ khi thành lập *Việt Nam Quang Phục Hội* ngày 19/6/1912, biến Điện hạ chuẩn Hoàng Đế thành "Hội Chủ" tượng trưng cho Tổng lý Phan Bội Châu và các ủy viên trung ương làm việc, xin trợ cấp của các lãnh chúa Hoa Nam như Trần Kỳ Mỹ ở Thượng Hải, Hồ Hán Dân, Đô Độc Quảng Đông, cùng Chi huy trưởng Cảnh Sát Trần Cảnh [Kính] Hoa. (64)

64. *NB* (Sài Gòn: 1971), tr. 192-96, 200-201; *NTT* (ĐTĐ, 1945), *PBCTT* (2001), VI:53-54..

D. Thứ tư, lần đầu tiên trong lịch sử Việt, khoảng 95,000 lính thợ (ONS) được đưa qua Pháp giúp mầu quốc đánh đuổi Đức tặc. Số người “Tây du” khổng lồ này tạo nên một không khí sinh hoạt chính trị mới ở Paris, cũng như nội địa Việt Nam. Chiến thắng của phe Đồng Minh khiến đại đa số những cựu chiến binh trên ngưỡng mộ và qui phục nước Pháp. Nhiều người Việt có công dân Pháp như Bác sĩ Lê Quang Trinh và Nguyễn Văn Thịnh, Đỗ Hữu Vị, Nguyễn Văn Xuân, Charles Nguyễn Phú Khai, v.. v... tham chiến trong hàng ngũ Pháp, đặt xuống những viên đá nền tảng cho sự nghiệp chính trị của giai tầng “Tây học” mới. Bởi thế, lập trường “thờ người Pháp như bậc thầy để cầu tiến bộ” và đả phá chế độ quân chủ của Phan Chu Trinh được họ ủng hộ. Năm 1919, Nguyễn Phú Khai từng qua Pháp vận động “tự trị” cho Cochinchine [Nam Kỳ], với sự trợ giúp của Ernest Babut, Bùi Quang Chiêu, v.. v.. Vài năm sau, đến lượt Dương Văn Giáo (1896-1945), Trần Văn Khá (1894-?), v.. v... Đầu tháng 2/1925, Phó bảng Trinh và Trần Văn Khá—đã làm việc tại Paris từ năm 1911—còn thành lập *Hội Liên Hiệp Pháp-Đông Dương*, và giữ chức Chủ tịch; với Khá làm Tổng thư ký. (65)

65 . Báo cáo của Désirée ngày 26/2/1925. Trụ sở hội này đặt tại số 15 phố Sommerard.

Tuy nhiên, vì bận mưu sinh và sức khoẻ yếu kém, Phó bảng Trinh chỉ còn là một chiếc bóng mờ. Bạn đồng chí, và đồng tù là Phan Văn Trường thì bận rộn mưu sinh ở vùng đất mới chiếm được của Germany. Tổ chức *Hội Yêu Nước Đông Dương* không còn sinh hoạt thường trực nữa. Một số sinh viên trẻ, từng du học Pháp đã lâu như Nguyễn Thế Truyền (1898-1969), hay mới chân ướt chân ráo tới Paris như Nguyễn Văn Ninh (An Ninh, 1900-1943), vẫn liên lạc với Phan Văn Trường và Phan Chu Trinh, nhưng ngả dần về phe Xã Hội Pháp—một Đảng Xã Hội ngày một nghiêng về phía Đệ Tam QT của Marcel Cachin, vì được tăng cường các cựu chiến binh chống đối cuộc chém giết kinh khiếp, với hàng chục triệu người tử trận, chỉ vì quyền lợi tư bản và tài phiệt. Phó bảng Trinh còn gặp khó khăn tiền bạc và bóng đen của Khâm sứ Charles. Sau khi ra tù, Phó bảng Trinh bị mất học bổng từ năm 1916, và bị áp lực về nước. Chỉ có Phan Chu Dật còn trợ cấp 400 quan một tháng, nhưng XLTV Toàn quyền Charles—người xuống tay tàn phá phong trào duy tân Quảng Nam, rồi năm 1910 không cần dấu sự bất mãn về việc phóng thích Phó bảng Trinh, lại còn cho cha con Phan Chu Trinh du học Pháp, nên năm 1916 phê bên lề văn thư về học bổng của Dật ý kiến cá nhân: “Chúng ta đang nuôi dưỡng ở đó một con rắn nhỏ, nó có thể sẽ mổ chết chúng ta một ngày nào đó. Thật là một việc làm dại dột: Chúng ta đã dành mọi đặc ân cho kẻ thù đáng ngại nhất của chúng ta.” (66)

66. Báo cáo ngày 3/10/1910 của Charles; CAOM (Aix), RSA, F1; & Ibid., Amiraux, dossier 2578.

Ba năm sau, khi mới 16 tuổi, Dật phải về nước vì ho lao. Phó bảng Trinh cũng phải xa Paris, độ nhật bằng nghề phụ rửa ảnh ở Toulouse, Tours, Pons, thu nhập khoảng 30 francs một ngày.

Trở lại Paris giữa bối cảnh ấy, Nguyễn Sinh Côn gặp cơ hội ngàn vàng để bước lên sân khấu chính trị.

Sau 8 năm trôi nổi khắp trời xa, bển lạ, Côn đã tôi luyện được khả năng sống còn. Cậu “âm” con quan huyện còn có một thứ căn cước mới—”dân thợ thuyền” chính qui, bản thân chưa từng “phục vụ giặc Pháp.” Cuộc sống đi vào thực tế của thợ thuyền đi tàu giúp khai mở kiến thức thực tiễn, và cung cấp cơ hội tiếp xúc với nhiều sắc dân—ngay cả với những “bạn” Nhật, Triều Tiên, hay Ireland [Irish]. Không kém quan trọng là khả năng đặc thù của Côn—lôi cuốn được những người gặp mặt hay **charismatic powers** [sức quyến rũ] của chính trị học. Côn, chẳng hạn, đã thiết lập được liên hệ bền vững trong giới đi tàu và bồi, bếp, giặt ủi, nói chung là giới “lao nông.” Tháng 7/1921, sau khi được bầu vào ban Bí thư *Công Đoàn Liên Thuộc Địa* của Đảng Marxist-Leninist Pháp, và dòi khỏi nhà Luật sư Trường, Côn đã mang theo toàn bộ thành viên “Hội Yêu Nước Đông Dương.” (67)

67. .CAOM [Aix], HC, **SPCE 364**; Duiker, *Ho Chi Minh* (2000), p 594n55.

Ngay đến giới công chức Việt tại Paris, như Lê Quang Liêm (1881-1945) tự Bảy—phụ tá cho Y sĩ Lê Quang Trinh để kiểm soát Việt kiều tại Pháp từ 1918 tới 1920—đã bút phê dưới một tờ trình của mật báo viên Jean là những lao công gầy yếu, nạn nhân của tật bệnh như ho lao, khó thể tạo nên rắc rối. (68)

68. Lời phê của Liêm trên báo cáo ngày 2/2/1920, sau hai tháng theo dõi Côn, của “M Jean;” in lại trong Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I (1997), tr 269 [Phụ bản 5]

Giao tình với “Hy Mã Nghị Bá Đại Nhân,” “ông Trạng [Su Trường]” và chủ tiệm ảnh Khánh Ký giúp Côn có chỗ cư trú, trợ cấp tiền bạc, và nhất là mở được những liên hệ với các chính khách cấp tiến, Tam Điểm, thuộc Hội Bảo Vệ Nhân và Dân Quyền hay Đảng Xã Hội. Đó là chưa nói đến khả năng Pháp ngữ của “ông Trạng,” cùng những người bạn trẻ khác như Nguyễn Thế Truyền v.. v... giúp khai sinh ra bí danh “Nguyễn Ái Quốc,” sinh ngày “15/1/1894.” Nói cách khác, người thanh niên “**khoảng 28 tuổi, cao 1 mét 62, gầy gò, trán gò, mũi huếch, môi trên hơi vầu,**” bỗng xuất hiện như một nhân vật lý tưởng nhất để các lãnh tụ Cộng Sản Pháp chiêu mộ—Gốc “An-na-mít,” dân thuộc địa—Đang ở tuổi tráng niên—Con người “Lao động,” “Vô Sản,” nhưng không mù chữ mà còn “tiểu trí thức”—hàng ngày lui tới Thư viện Quốc Gia Paris đọc sách báo, có khả năng viết và đọc tiếng Pháp, biết một ít tiếng Bri-tên [Anh], Italian [I-ta-li-ă] và Espagnol [Es-pa-nha]. (69)

69. Báo cáo ngày 2/2/1920, của “M Jean;” in lại trong Ibid. [Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I (1997), tr 269 [Phụ bản 5] Đã trở lại Pháp hơn 4 năm [1916?],

từng đến Bri-tên và Mỹ; Khánh Ký và Phan Chu Trinh trợ giúp. Đặc biệt thân cận với PCT; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I (1997), tr 213.

Ngoài ra, Côn còn một đặc tính mà ngay đến đối thủ, đặc biệt là các viên chức Pháp như Georges Gautier, cũng phải ghi nhận là “**hors de série**” [ngoại hạng]. (70)
70. Georges Gautier, 1978:305-306 [OSS agents]);

Trên soái hạm *Emile Bertin* đưa Thierry d’Argenlieu về Nha Trang sau buổi gặp mặt lần đầu tiên tại Vịnh Hạ Long ngày 24/3/1946, Linh Mục/Cao Ủy Đông Dương ghi vào nhật ký:

Sinh năm 1889, 56 tuổi. Hiện nay chưa phải là nhà lãnh đạo quốc gia mà chỉ là một thủ lĩnh cách mạng Cộng Sản. Đây là một người tinh tuyền [pur], về đạo đức: không có sự đút lót [concession] hay sai vạy [dérèglement] nào có thể khiến ông ta đáng bị chỉ trích [reprocher]. **Về phương diện tri thức, ông ta thu thập được khá nhiều; ông ta biết cách làm mình nhỏ lại, khiêm tốn và ... người thích ca ngợi người khác [un flatteur]. Ông ta thật âm áp. Ông ta bén nhạy về vấn đề đối xử. Ông ta tự nguyện sử dụng những thuật ngữ tình cảm: tình bạn [amitié], tình hữu nghị [tình bác ái] [fraternité], chung thủy [loyauté], sự ngay thẳng [thật thà] [franchise], v.. v...**

Nhưng ông ta biết rõ những gì mình muốn [Mais, il sait ce qu’il veut]. Ông ta muốn một qui chế biến Đại Nam thống nhất thành một dominion, theo trình độ tiến hóa hiện tại. Giáo điều và lý tưởng, ông ta không đo lường được nêu sự trưởng thành chính trị đã cho phép điều đó hay chưa.

Sức mạnh của ông ta là sự thành thật kẻ tặc [Sa grande force est la sincérité successive].[239] .(71)

71. Amiral Thierry d’Argenlieu, *Chronique d’Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), pp 239 [239-240]).

Nên việc phải đến đã đến. Mùa Giáng Sinh 1920, Côn được mời tham dự Đại Hội thứ XVIII của Đảng Xã Hội Pháp—thường được biết như Đại Hội Tours, 25-30/12/1920—cũng Đại Hội quyết định thành lập một Đảng Marxist-Leninist Pháp [PCF], theo đường lối Đệ Tam Quốc Tế. Côn được phát biểu ý kiến ngày 26/12. Rồi, năm 1922-1923, đến lượt chính Đệ Tam Quốc Tế. Một chuyến qua Nga, xin viện trợ, với lời hứa sẽ phục vụ ĐTQT cho đến hơi thở cuối cùng. (72)

72. Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lenin* (Hanoi: Thanh Nien, 1980); Sokolov, *QTCS*, pp. 51-57; Trần Văn Hưng, “Hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc những năm 20-30 thế kỷ 20;” *Tap chi Lich su Dang* [Journal of the History of the Party] (Hanoi), 2000, No. 8, pp 50-56; [henceforth, Tran Van Hung, 2000, 8]

Từ ngày này, Côn sẽ chứng minh cho ban Quản Trị trường Thuộc Địa Paris thấy rõ đã quá sai lầm từ chối Côn một cơ hội được “hữu dụng cho cả nước Pháp và dân Việt.”

IV. CHUYỂN ĐI PHÁP DỰ ĐÁU XẢO:

Vì đã ủy thác cho người Pháp lo việc quốc sự, Nguyễn Phước Tuấn chỉ còn một mục đích để theo đuổi: Giữ vững ngai vàng, và tìm cách truyền lại thiên mệnh Đại Pháp cho con trai độc nhất của mình là Vĩnh Thụy. Ngày 21/2/1922, do đề nghị của Pasquier Toàn quyền Long đồng ý cho Vĩnh Thụy làm Đông cung Thái tử. Lễ sắc phong cử hành ngày 28/4/1922. Hơn nửa tháng sau, nhân dịp Pháp tổ chức Hội chợ triển lãm toàn đế quốc ở Marseille vào mùa Hè 1922—với mục đích lôi cuốn những tài phiệt đầu tư vào các thuộc địa—ngày 15/5, Nguyễn Phước Tuấn đưa Thụy qua Pháp trọ học tại tư gia cựu Khâm sứ Charles, mới về hưu. Theo Vĩnh Thụy, phái đoàn dùng tàu lửa đi từ Huế xuống Tourane; rồi đi tàu *Claude-Chappe* vào Sài Gòn; và đáp tàu *Porthos* của công ty *Messageries Maritimes* qua Pháp. (73)

73. Trung tâm lưu trữ Quốc Gia II (TP/HCM), RSA/HC, HS 4129; Bảo Đại, *Le Dragon d'Annam* (Paris: Plon, 1980), pp 16-21 [Tập sách này do hai tướng Pháp hợp soạn, nên có những thông tin chưa hẳn chính xác].

Phái đoàn của Nguyễn Phước Tuấn khá đông. Nguyễn Hữu Bài, Thượng thư bộ Lại kiêm bộ Hộ, được tháp tùng, chuyến hành hương mẫu quốc lần thứ hai. Ngoài ra còn một số nhân sĩ Bắc như Nghị viên Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936), Phạm Quỳnh (1892-1945), hai nhà báo nổi danh từ thập niên 1910.

Từ ngày 30/6/1922, an ninh Pháp đặc biệt tăng cường để theo dõi những người bị tình nghi, có thể tổ chức ám sát vua ở Paris. Nguyễn Sinh Côn, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Văn Ninh (sau lấy bí danh Nguyễn An Ninh) được báo cáo hầu như mỗi ngày tới ngày 2/8/1922. Một sinh viên Nhật, Komatsu [Comatz]—sẽ xuất hiện tại Đông Dương trong Thế Chiến thứ hai ([1939] 1941-1945), liên lạc chặt chẽ với các trí thức Việt như Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn, v.. v..—cũng bị theo dõi. (74)

74. CARAN (Paris), F7-13045; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I (1997), I:222-223. Ko-mat-sur sau này xuất hiện ở Hà Nội trong giai đoạn Nhật chiếm Đông Dương (1941-1945)

Chuyến du hành của Nguyễn Phước Tuấn, dĩ nhiên, làm bùng lên một ngọn lửa tranh đấu mới trong các cộng đồng Việt kiều tại Pháp. Người hoạt động hăng say nhất là Phan Chu Trinh, Nguyễn Sinh Côn, Nguyễn Thế Truyền.

A. THẮT ĐIỀU THƯ CỦA PHAN CHU TRINH (15/7/1922):

Từ mùa Hè 1920, vì lý do sức khỏe, Phó bảng Trinh đã bỏ nghề rửa ảnh, rời Pons về Paris. Tạm trú ở số 6 Villa des Gobelins một thời gian với Nguyễn Sinh Côn, rồi dọn về số 21 đường Pernaty cùng Lê Văn Xao. Hạ tuần tháng 10/1921—sau khi biết tin cái chết của người con trai độc nhất ở quê nhà vì bệnh lao phổi

mang từ Pháp về—Phó bảng Trinh bỏ xuống Marseille. Nhưng chưa đầy hai tháng sau, ngày 6/12/1921, phải trở lại Paris vì sức khỏe yếu kém.

Nhờ sự giúp đỡ của Babut và Pierre Guesde, Phan Chu Trinh lại xuống Marseille làm việc cho ban phim ảnh của Hội Chợ Triển Lãm.

Chẳng hiểu vì sót sa với thân phận một đại khoa, sau hơn 10 năm lưu lạc mẫu quốc mà chỉ học được một nghề rửa ảnh, hay kinh nghiệm ở Hội chợ Marseille cho ông cơ hội sống thực để suy nghĩ về chuyên đi của Nguyễn Phước Tuấn, ngày 15/7/1922, Phan Chu Trinh hoàn tất bản “Thất Điều Thư” [Thư Bảy Điều] bằng chữ Nho, hạch ra 7 tội của vua.

a. Tội thứ nhất là “*tôn nhằm quyền vua.*”

Theo Phan Chu Trinh, Nguyễn Phước Tuấn bắt dân chúng phải tôn xưng mình làm “Thiên tử,” nhưng thực chất thì “**trên, vua làm tôi đòi; dưới, bầy tôi nịnh hót**”—“không những không thể tôn quân quyền, mà ngôi vua cũng phải lập tức truất bỏ.” Phan Chu Trinh nhấn mạnh:

Nay bệ hạ thì một điều hay chưa làm, mà nhiều điều ác đã rành rành; đã chạy vạy trăm cách để trộm được ngôi chí tôn; nói như thần thánh, làm như quỉ ranh; ở ngôi bảy năm, dân oán tức đến đau ruột. Huống chi lại còn mượn oai cường quyền, ép quốc dân tôn mình nữa! Dựa theo luật Âu, Á xưa nay dùng đối với vua chúa, nếu không giết cũng đuổi, há được kêu oan.

b. Tội thứ hai là “*Làm làm thương phạt.*”

Theo Phó bảng Trinh, từ ngày lên ngôi, Nguyễn Phước Tuấn chỉ thưởng phạt theo sở thích. Lại sử dụng hàng chục tên mật thám đi dò la trong dân chúng để trừng trị những người chê trách mình. Phan Chu Trinh nhắc lại tích cũ, là ông vua vô đạo Lê Vương của nhà Chu đặt ra “giám tu” để định bịt miệng người, nhưng cuối cùng cũng bị dân giết.

c. Tội thứ ba là “*Sùng bái sự lễ qui.*”

Theo Phan Chu Trinh, hủ tục này không những man rợ, mà còn khinh bỉ quan dân, khiến dư luận thế giới khinh bỉ.

d. Tội thứ tư là “*Xa xỉ làm xằng.*”

Phan Chu Trinh nhận xét:

Bệ hạ làm một ông vua Bảo hộ, ngôi thứ ở dưới Tổng Thống và Toàn Quyền Đại Thần [Pháp], tên và hiệu chỉ đặt trong 12 tỉnh [Trung Kỳ] công nghiệp chưa hơn gì một đũa thất phu, mà dám đem mình ví với ngôi Đế Thiên! Làm vậy cũng như ăn trộm, ăn cướp.... Trong thư Bệ hạ gửi Đại thần Bộ Thuộc Địa có viết câu “mình là cha mẹ của dân.” Nước ta xưa nay vốn trọng gia đình luân lý, sao lại có cái thứ cha mẹ tàn nhẫn, bất lương như vậy. Ôi! Nên đổi gọi tên là “giặc của dân” thì mới gần sự thật.

e. Tội thứ năm là “*phục sức sai chế độ.*”

Theo Phan Chu Trinh, Nguyễn Phước Tuấn tự chế ra quân phục—ghép gù vai của Âu châu vào chiến bào kiểu cũ, chen kết thêm đá quý, vàng, bạc, Âu không ra Âu, Á không ra Á. Lại còn thêu rồng, thêu phượng trên nón. Hành động này “làm tổn hại bang giao, sỉ nhục quốc thể. Theo luật thì nên lấy phép nước gia hình cho đáng tội.”

f. Tội thứ sáu của Nguyễn Phước Tuấn, theo Phó bảng Trinh, là **“chính sự bê trễ, chẳng chút lưu tâm; nhân dân đói rét, không hề thăm hỏi,”** đứng đầu tội danh “ăn chơi làm gương xấu hại dân.”

g. Tội thứ bảy là **âm mưu ám muội trong chuyến Pháp du.**

Theo Phan Chu Trinh, ngoài việc đi du hí, Nguyễn Phước Tuấn mang theo tiền vợ vét được bấy lâu để mua chuộc thế lực ủng hộ quân chủ ở Pháp hầu duy trì ngai vàng cho cá nhân mình và con trai.

Sau khi đàn hịch 7 “trọng tội” trên, Phó bảng Trinh xác định “tuyên chiến” với Nguyễn Phước Tuấn và chế độ quân chủ. Vì đã chọn thế đối nghịch, nên ở đầu thư, chỉ viết “Thư của người dân Việt Nam, Phan Chu Trinh, ‘gửi’ vua hiện nay, Khải Định” mà không viết là “*dâng*” thư. Hai tiếng “*Bệ Hạ*” dùng để gọi “Bửu Đảo,” chỉ vì cho tiện xưng hô mà không phải tâng bốc. Ngoài ra, suốt lá thư, Phó bảng Trinh không kiêng kị tên húy bất cứ vua Nguyễn nào. Cũng vẫn theo Phan Chu Trinh, ngoài bản chữ Hán gửi cho Nguyễn Phước Tuấn, còn bản dịch qua tiếng Pháp để đăng báo cùng phân phối cho dân chúng Marseille.

Tuy nhiên, bản dịch Thất Điều Thư bằng tiếng Pháp không còn được đón tiếp nồng hậu như những tác phẩm trước. Mãi tới ngày 10/8/1922, tức trước ngày Nguyễn Phước Tuấn rời Marseille, báo *L'Humanité* mới kêu gọi “Khải Định” nên về nước, và nhắc sơ đến “Thất Điều Thư” của Phan Chu Trinh.(75)

75. *L'Humanité* (Paris), 10/8/1922. Đa tạ học giả Hoàng Xuân Hãn tặng bản dịch Việt ngữ Thất điều thư cũng như nguyên bản chữ Hán (do bà Thu Trang đã tìm ra). Những bản dịch lưu truyền ở nam Việt Nam trong thập niên 1950-1960 hơi khác biệt. Phó bảng Trinh có lẽ không biết tên “thánh” Tuấn của Bửu Đảo.

Trong khi đó Nguyễn Sinh Côn trở thành ngọn đuốc khai phá mới. Côn đã gia nhập Đảng Marxist-Leninist Pháp, hoạt động trong Công đoàn liên thuộc địa [*L'Union intercoloniale*], trực thuộc Ủy ban Nghiên cứu Thuộc địa [*Comité d'études coloniales*], do Henri Sarotte làm Bí thư. Từ tháng 6/1922, Côn còn được phong làm Phó Bí thư, đặc trách việc in và phát hành báo *Le Paria* (với tên chữ Hán là *Lao Động Báo*). Báo này ra số đầu ngày 1/4/1922, với 1,000 bản. Số 2, ra ngày 1/5/1922, tang lên gấp đôi, 2,000 ấn bản. Văn sử cổ điển ghi báo *Le Paria* của riêng Nguyễn Sinh Côn, nhưng thực ra là cơ quan ngôn luận của Công đoàn liên thuộc địa [tiêu tựa ghi “*Tribune des populations des colonies*”. (76)

76. CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries I, carton I, III, carton 3, 8, 92, 101; Chinh Dao, *Ho Chi Minh*, I, tr 208-212, 286; Nguyễn Vũ, *Paris: Xuân 1996* (1997), tr 102-103. Tựa “*Laodong pao*” xuất hiện cùng tên chữ Pháp và Arab.

Nhiều bài viết công kích Nguyễn Phước Tuấn, dưới tên Nguyễn Ái Quốc, được đăng trên *L'Humanité* vào dịp này. Quan trọng hơn, Quốc đang chọn một con đường khác biệt với những người quen biết—đó là qua Mat-sco-va, tìm thể tựa để hoạt động.

Chỉ có Đông Các Đại học sĩ Nguyễn Hữu Bài được hưởng nhiều lợi nhuận nhất. Tháng 8/1922, Bài được yết kiến Giáo hoàng Pius XI và ban thưởng huân chương Saint Sylvestre (8/1922). (77)

77. Nguyễn Tiên Lãng, “Quelques mandarins d’hier [Vài Quan Của Ngày Hôm Qua];” *BAVH*, vol XXVI, No 2, Avril-juin 1939, pp135 [131-162].

Chiều 9/8/1922, Nguyễn Phước Tuấn cùng tùy tùng đến Marseille chờ xuống tàu hồi hương. Đang có mặt ở thành phố cảng phía nam nước Pháp này, Phó bảng Trinh định tổ chức một buổi diễn thuyết từ biệt “dân tộc độc phu” ở Hội chợ triển lãm; nhưng bị ngăn cấm.

Ngày 11/8/1922, vua xuống tàu *Angers* về nước. (78)

78. Phạm Quỳnh, “Pháp du hành trình nhật ký,” *Nam Phong* số 63 (9/1922), tr 230-23, số 66 (12/1922), tr 433-437; [100 (9-10/1925), tr. 307].

B. TIẾNG BOM SA DIỆN:

Từ tháng 8/1923, Martial H Merlin [Mec-lanh] chính thức nhiệm chức Toàn Quyền Đông Dương. Trước viễn ảnh đe dọa của “Hồng họa,” Merlin trở lại với chính sách bảo thủ. Từ năm 1922, Thanh tra Arnoux [Ac-nuc] đã được lệnh trở lại Đông Dương sau khi một số cán bộ Đệ Tam Quốc Tế từ Australia [Os-tra-li-a] tới Đông Dương, rồi dùng đường bộ vượt biên giới Hoa Nam. .

Mùa Hè 1924, Merlin làm một chuyến thăm thân hữu Nhật và nhà chức trách Thượng Hải, Hong Kong để bàn về thương ước cùng một liên minh chống Hồng họa đang và sẽ đe dọa tình trạng hiện hữu các xứ thuộc địa. Liên Xô Nga cũng đang mở rộng ảnh hưởng vào Trung Hoa, yểm trợ chính phủ Nam Kinh của Tôn Dật Tiên, dàn xếp một liên minh Quốc-Cộng. Trên đường về Hà Nội, Merlin ghé Quảng Châu (Canton).

Tối 18/6/1924, khi tới dự dạ tiệc do Pháp kiều thết đãi tại Khách sạn Victoria ở tô giới Sa Diện (của Pháp và Bri-tên), Merlin bị ném bom. Merlin may mắn thoát chết, nhưng 5 người khác tử thương, và 4 người bị trọng thương. Thủ phạm là Phạm Hồng Thái, tức Phan Đài (1895-1924), thuộc nhóm thanh thiếu niên Việt mới từ Xiêm tới Quảng Châu. Do sự xúi dục của Lê Văn Phan, tức Hồng Sơn—đã nổi danh sát thủ sau vụ ám sát Phan Bá Ngọc tối 11/2/1922 ở Hàng Châu, theo lệnh Cường Để—Đài gia nhập *Tam Tâm Xã*, một tổ chức “Tân Thanh Niên” nghiêng về bạo động, trước áp lực chính sách đề huề của Sarraut.

Bị truy đuổi ráo riết suốt tối 18/6, Phan Đài định bơi qua sông Châu về lại khu dân Hoa, nhưng bị chết đuối, bốn ngày sau mới tìm được xác. Báo chí địa phương tường thuật sự việc một cách thiện cảm. Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần, Hồ Bá Cự cũng nhân cơ hội muốn khai thác cái chết của Đài để làm sống dậy *Quang Phục Hội*. Không những chỉ mượn đám tang Phan Đài làm chất dẫn cho danh hiệu mới của tổ chức *Việt Nam Quốc Dân Đảng*, Phan Bội Châu-Nguyễn Hải Thần còn từ Hàng Châu về Quảng Châu vận động với các lãnh tụ *Trung Hoa Quốc Dân Đảng*. Để làm vui lòng những Tướng Giới Thạch, Hồ Hán Dân, Lý Tế Thâm, Phan Bội Châu soạn ra các tài liệu như Đảng cương, chính sách, v.. v.. sao chép từ *THQDD* của Dật Tiên—đặc biệt là thuyết Tam Dân Chủ Nghĩa [*San Min Zhu I*] khuyh tả năm 1924, với kế hoạch quốc hữu hóa ruộng đất.

Nhân vật nòng cốt là Hồ Bá Cự—cháu cụ Án Sát Nam Định Hồ Ba Ôn, năm 1882 từng mộ quân Thanh kháng Pháp, nhưng bị thương nặng khi thất thủ Nam Định ngày 27/3/1883; rồi chết hơn một tháng sau. (79) Cha là Kiện, tham gia Cần Vương, chết trong trại tù Lao Bảo. Cự mới trốn qua Hoa Nam năm 1919, liên lạc với Cường Để-Phan Bội Châu qua Hồ Học Lãm, chú Cự, một sĩ quan THDQ tại Hàng Châu. Lãm tự nhận là người của Cường Để, giữ hòa khí với bất cứ ai yêu nước.

79. *ĐNTLCB*, IV, XXXV:1881-1883, q LVIII, LXIX, 1976:147, 175. 189.

Người thứ hai là Nguyễn Công Viễn—bí danh Lâm Đức Thụ, và Hoàng Chấn Đông—qua Trung Hoa đã lâu. Viễn đang làm giáo quan trường ở Quảng Châu; gia đình có một tiệm sách ở Hải Phòng. Người thứ ba là Lê Văn Phan. Năm 1924, Tam Tâm Xã có khoảng 9 người, vì mới được tăng cường một số thanh thiếu niên từ trong nước và Xiêm La lên. Trong số này có Lê Huy Doãn ([1900] 1902-1942), Trương Văn Lễnh [Lĩnh], Lê Quảng Đạt, Lưu Văn Long, Lê Văn Nghiệm, v.. v... Không rõ họ có chịu ảnh hưởng nhóm Tân Thanh Niên của Trần Độc Tú và Lý Đại Chiêu hay chăng.

Từ mùa Thu 1924 nhóm Tam Tâm Xã trở thành mũi xung kích cho *Việt Nam Quốc Dân Đảng*. Năm 1924-1925, một số người, như Lê Văn Phan, Trương Văn Lễnh, Lê Huy Doãn, được nhận vào trường Hoàng Phố cùng các học hiệu khác ở Quảng Đông. Các huấn luyện viên Nga cũng dành cho Phan Bội Châu những cảm tình nồng hậu. Nhóm Phan Bội Châu còn vận động được nhà đương cuộc của Hồ Hán Dân và Trần Quýnh Minh an táng Phan Đài tại ngọn đồi đối diện Hoàng Hoa Cương—nghĩa trang 72 nhà ái quốc Trung Hoa trong cuộc nổi dậy thất bại 1898. (80)

80. Manifesto du Parti Nationalist Annamite [“Việt Nam Quốc Dân Đảng Thanh Minh thư (23/6/1924);” CAOM (Aix), HC, **SPCE 367** [?]; *PBCTT* (2001), V:373-377; Brocheux, 2003, pp 60,68.

Hồ Bá Cự (còn có bí danh Quốc Đông) trở thành đại diện chính thức của Phan Bội Châu với mọi người, chịu trách nhiệm chuyển tài liệu *VNQDD* xuống Xiêm

và vào nội địa. Sau đó, Phan Bội Châu trở lại Hàng Châu. Nguyễn Hải Thần, dù đã gần 50, cũng theo học một lớp sĩ quan, và sau này lên tới chức Liên Trưởng.

Sau khi bị ám sát hụt, Merlin trở nên hà khắc hơn. Riêng tại miền Trung, Nguyễn Hữu Bài và tay chân bắt đầu phát động chiến dịch “thanh Cộng.” Tân tri huyện Quảng Trị Ngô Đình Diệm nghiên cứu về chủ thuyết Marxist-Leninism qua tài liệu Thụy Sĩ. Vatican cũng bắt đầu chú tâm đến Đông Dương, nghiên cứu việc cử một Khâm sứ ở Đà Lạt.

Dưới thời Merlin, nền giáo dục Pháp và quốc ngữ đã phát triển khá mạnh. Trường Thuộc Hà Nội chia làm hai phân khoa. Ngoài phân khoa cũ, từ ngày 30/8/1923, mở thêm phân khoa mãn tập (*Ecole de médecine de plein exercice*) dành cho người có Tú tài Pháp. Sau chương trình 4 năm, sinh viên có thể được gửi qua Pháp làm luận án Tiến sĩ, với thời hạn 1 năm 4 tháng. Mỗi sinh viên sẽ được học bổng 1,000 *francs* để in luận án.

Đáng kể nhất trong thời gian này là việc ban hành Nghị định ngày 18/9/1924, áp dụng Sắc luật ngày 14/5/1924 của mẫu quốc, về trường tư thục. Nhu cầu học thêm tiếng Pháp, cùng các môn toán và khoa học (Lý Hóa) ngày một bành trướng, vì số trường công lập quá ít, không đủ chỗ thu nhận số học sinh ngày một gia tăng.

Trường tư thục đầu tiên tại Sài Gòn là *Nguyễn Xích Hồng*, thành lập năm 1916. Sau đổi tên thành *An nam Học Đường* của Bùi Quang Chiêu, với sự hợp tác của Dương Văn Giáo, Diệp Văn Kỳ, Lê Trung Nghĩa, v.. v... Năm 1926, tại Sài Gòn, có 16 trường tư, gồm 11 trường do người Việt làm chủ. Tuy nhiên, chỉ có 6 trường dạy tiếng Pháp, gồm 4 trường của Hội Truyền giáo. Tại Nam Kỳ, có tất cả 203 trường tư thục, gồm 165 trường của Hội truyền giáo. Năm 1927, tổng số trường tư thục tại Đông Dương lên tới 579 đơn vị, chưa kể 98 trường ngoại quốc (Hoa, Mã Lai, và Miến Điện). (81)

81. CAOM (Aix), Amiraux 47464; *Annuaire statistique de l'Indochine, 1943-1946* (Sài Gòn: 1948), tr. 273. Sê dẫn: *ASI, 1943-1946*.

Từ Pháp về nước sau khi bị từ chối học bổng làm Tiến sĩ Luật ở Paris, Nguyễn Văn Ninh gia nhập đoàn giáo sư tư thục. Năm 1923, Ninh và một bạn người Pháp còn xuất bản tờ *La Cloche Felée* [*Chuông Rạn*, hay *Tiếng Chuông Rẻ*], để ủng hộ ứng cử viên Paul Monin, một luật sư Pháp cấp tiến, và cổ võ chủ nghĩa Cộng Hòa.

C. VÔ TỔ QUỐC, VÔ BIÊN CƯƠNG:

Mùa Thu 1923—sau nhiều ngày tháng sưu tầm tông tích Nguyễn Sinh Côn từ khi Côn kêu gọi lao nông thế giới đứng lên dựng cờ hồng, rồi “đi nghỉ mát một tháng”—Mật Thám Pháp được tin Côn đã có mặt ở Nga, tham dự Đại hội Nông Dân Quốc Tế, mới bẻ mạc ngày 15/10/1923. Nguyễn Sinh Côn còn được bầu vào Chủ tịch Đoàn *Krestintern* (11 người). Ngày 17/10, Smiernev được cử làm Tổng Bí thư.

Thực ra, ngày 20/6/1923: Nguyễn Sinh Côn rời Paris qua Berlin với thông hành giả mang tên Chen Vang, sinh ngày 15/1/1895 tại Đông Dương, thợ ảnh gốc

Hoa. Sau đó, ngày 30/6/1923, tới Petrograd [Leningrad, hiện nay là St Peterburg]. (82)

82. Nguyễn Vũ, *Paris Xuân 1996* (1997), tr 233; *Văn Khố QTCS, RC 495, Box 2, File 19, p. 147* Tran Van Hung, 2000, 8, pp 50 [50-56]]

Do yếu tố bảo mật tối đa, hiện còn rất ít tư liệu văn khố Liên Xô Nga về Côn trong cuộc phiêu lưu “vô tổ quốc, vô biên cương” đầu tiên ở Nga này.

Ngày 27/7/1923, Ban Bí Thư Comintern [Suvarin, Voitinsky và Vuovitch] quyết định đặt Đông Dương vào khu vực kiểm soát của Đảng Marxist-Leninist Trung Hoa, và dự định cho Côn đi vào thực tế tại đây trong vòng ba tháng.

Ngày 11/9/1924, Côn viết thư cho QTCS, nói đã tới Nga tháng 7/1923, và dự trừ rời Nga trong ba tháng, nhưng ngày lên đường liên tiếp bị đình hoãn; *RC 495- Box 154, File 594, pp. 3a, 19*; Tran Van Hung, 2000, 8:50.

Trong khi chờ đợi, Côn trải qua những lớp huấn luyện vỡ lòng nghệ thuật làm cách mạng [*agitprop* và *apparatchiki*].

Ngày 11/10/1923, Côn gặt hái kinh nghiệm diễn đàn thế giới đầu tiên tại Đại Hội Nghị Quốc Tế Nông Dân Đông Phương, mà kết quả là thành lập Quốc Tế Nông Dân [Krestitern]. Như đại diện Đảng CS Pháp, Côn nặng lời chỉ trích hiện trạng nông dân ở Đông Dương. “Zân Kày,” theo Côn, chịu hai mức bóc lột và áp bức: thứ nhất như người vô sản [proletariat], và thứ hai, như người mất quê hương. “Zân Kày An Nam,” Côn nhấn mạnh, “bị đóng đinh treo rút bởi cả Giáo hội Ki-tô, và thuốc phiện thực sự mà Pháp cho tự do hút sách. Côn nồng nhiệt ca ngợi biểu ngữ treo tại công trường đò: “Giáo Hội là thuốc phiện của thế giới.” (83)

83. *RC 535- Box 1, File 2, p. 18*; Tran Van Hung, 2000, 8:51; CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries III, carton 142.

Từ tháng 12/1923, Côn làm việc cho Ban Phương Đông [Dalburo], hưởng lương 7 “tréc vô nét” mỗi tháng để bí mật huấn luyện. Ban Phương Đông do cơ quan tình báo Nga [Intercenter hay Mainburo] tài trợ. Gồm 3 sở ở Chita (Mongolia, Tây TH), Vladivostok (Hải Sâm Uy, Thái Bình Dương) và Thượng Hải (Phương Nam). Ban Viễn Đông phụ trách Trung Hoa, Nhật, Triều Tiên, Mông Cổ, Phi-lip-pin và Đông Dương. Đông In-đi thuộc Dutch do Ban Trung Đông phụ trách chung với In-đi-a. Từ năm 1935, Ban thường vụ có bốn [4] ủy ban Trung Hoa, Nhật, Triều Tiên, và Cận Đông. (84)

84. Chinh Dao, *Ho Chi Minh, I* (1997), tr 238; RC 495, Box 154, File 315, p.8; Kurihara Hirohide, “The First Congress of the Indochinese Communist Party (1935) and Its Aftermath: A Turning Point in the Comintern-ICP Relations;” *Journal of Asian and African Studies* (Tokyo), No. 60 (2000), p.16 [henceforth, Kurihara, 2000]. Also see RC 495, Box 2, File 19, p. 147 & Box 154, File 594, pp. 3a, 19; Tran Van Hung, 2000, 8:50.

Cái chết của Lenin ngày 21/1/1924 giúp Nguyễn Sinh Côn vận dụng tối đa khả năng mà sau này Linh mục/Đô Đốc Thierry d'Argenlieu gọi là “*flatteur*” qua bài tường niệm trên *Pravda* ngày 27/1/1924.

Ngày 27/2/1924, Côn dịch “Quốc Tế Lao Nông Kính Cáo.” Hay “*Nhời hô của hội Lao Nông Quốc Tế*” [Appeal of the International Communism], nhưng hãy còn viết sai chính tả tên nước “*Ngha.*” (85)

85. CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries III, carton 142; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I, (1997), tr 206-207; Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lê-nin* (Hà Nội: 1980). Một trong rất ít nghiên cứu/tài liệu tuyên truyền về Hồ sử dụng tài liệu văn khố Nga.

Côn cũng xuất hiện tại Trường Thợ Thuyền Phương Đông [KUTV] do Lenin thành lập ngày 21/4/1921, tức “Trường Stalin.”

Vinh dự nhất cho Côn là được tham dự Đại Hội V Đệ Tam Quốc Tế (17/6-7/7/1924) như một đại biểu thuộc địa. Ngày 27/6, Côn viết thư phát biểu ý kiến với diễn văn của Zinoviev đã bỏ sót các dân tộc phương Đông. (86)

86. **RC 492, Box 1, File 152, p. 4**; Tran Van Hung, 2000, 8:52.

Nghị quyết của Đại Hội là tại các nước thuộc địa hay bán thuộc địa, cách mạng sẽ phát triển theo thời kỳ, tức cách mạng dân tộc tư sản, rồi mới tiến lên cách mạng vô sản. Trong giai đoạn cách mạng tư sản, cần liên minh lao động và dân cày.

Mùa Thu 1924, do Côn yêu cầu, Manuilsky gửi Côn đi vào thực tế ở Trung Hoa. Đúng hơn, là lãnh thổ Hoa Nam dưới quyền cai trị của liên minh Guomindang, hay Trung Hoa Dân Quốc, của Tôn Dật Tiên và Zhonghua gongsandang, nhưng các lãnh chúa quân phiệt chia nhau nắm những địa phương quan trọng. Liên Xô Nga công khai ủng hộ Dật Tiên, áp lực các lãnh tụ “Cộng Sản” gia nhập Quốc Dân Đảng cải tổ, với tư cách cá nhân. Từ tháng 10/1923, Mikhail Borodin được gửi tới Quảng Đông để phối hợp liên minh Quốc Cộng, và chống lại những âm mưu của phe Tư Bản và Giáo Hội Vatican—vì các cường quốc này tài trợ cho phe quân phiệt Hoa Bắc và Hoa Trung, cùng giới đại điền chủ và thương gia.

Nga còn mở rộng cánh công KUTV và trung tâm huấn luyện quân sự đón nhận cán bộ Trung Hoa. Trong khi đó, tháng **5/1924** giúp Guomindang mở Trường Sĩ Quan Hoàng Phố, dưới sự chỉ huy của Tưởng Giới Thạch và Lý Tế Thâm (**Khóa I giảng khai ngày 16/6/1924**), và trường canh nông Quảng Châu

Trong khi chờ đợi giấy tờ, Côn tham dự Hội Nghị mở rộng của Ban Chấp Hành Trung Ương Comintern ngày 12/7/1924, Đại Hội Thanh Niên Quốc Tế, Đại Hội Phụ Nữ Quốc Tế, Đại hội thành lập Thập Tự Đỏ. Ngoài ra, tham quan nhiều nơi. (87)

87. Ha, 1980:127-28; Chinh Dao, *Ho Chi Minh*,. I (1997), I:242-44.

(Con's letter of Sept 11, 1924; **RC 495- Box 154-594, p. 3a**; Tran Van Hung, 2000, No. 8, p. 50).

Tháng 9/1924, chẳng hạn, Nguyễn Sinh Côn báo cáo về chuyến thăm chiến hạm *Komintern* tại Sebastopol gồm 47 đảng viên, 72 đoàn viên, 50 ứng cử viên, 380 đoàn viên thanh niên [*Komsomol*]. (88)

88. Báo cáo ngày 5/9/1924. Đa tạ Tiến sĩ Sokolov đã tặng phóng ảnh báo cáo của Nguyễn Ái Quốc, cùng tờ khai lý lịch [*Ankieta*] của Fan Lan [Nguyễn Thị Vịnh, tự Minh Khai, người vợ cách mạng thứ hai của Nguyễn Sinh Côn năm 1930-1931].

Rời Mat-sco-va bằng xe lửa xuyên Siberia, tới Vladivostok, rời Quảng Châu ngày 11/11/1924, dưới hai bí danh mới là Li Jui [Lý Thụy] và Linov—thư ký kiêm thông dịch viên của Borodin, đặc sứ Nga bên cạnh chính phủ Tôn Dật Tiên. Vì dư luận đang chú ý đến chuyến đi Bắc Kinh ngày 13/11/1924 của Dật Tiên để bàn thảo việc thống nhất Bắc Nam, theo lời mời của quân phiệt Phùng Ngọc Tường—mới làm đảo chính, đuổi Tào Côn và Phô Nghi khỏi Tử Cấm Thành; liên kết với Trương Tác Lâm, Đoàn Kỳ Thụy lập chính phủ mới ở Bắc Kinh, mãi đến ngày 8/1/1925, Mật Thám Pháp mới khám phá ra sự hiện diện của Côn tại trung tâm nông nghiệp Quảng Châu.

Tại Quảng Đông, “Lý Thụy” có dịp tiếp xúc Zhou Enlai [Chu Ân Lai], Liu Shao-qi [Lưu Thiểu Kỳ] Li Fuchun [Lý Phú Xuân], Peng Pai [Bành Bái], v.. v... đã gia nhập Guomindang từ năm 1923. Ngoài ra, Côn còn liên hệ với cộng đồng Việt Kiều, đặc biệt là nhóm Tam Tâm Xã. Chưa đầy hai tháng sau, Côn đã tổ chức được những hạt nhân cho một tổ chức thanh niên Việt kiều, gồm cả sĩ quan trong quân đội Guomindang do Phan Bội Châu và Nguyễn Hải Thần tiến cử vào Hoàng Phố trong mùa Hè 1924.

Mối “hồng họa” đầy đe dọa này đã khiến viên chức thuộc địa Pháp và ngay cả Bri-tên, Mỹ hay Dutch [Hòa Lan] đánh giá nguy hại hơn cả hai mối “hoàng họa” Trung Hoa và Nhật Bản.

Những tháng đầu năm 1925, tin tình báo về Lý Thụy ngày một nhiều, đặc biệt từ khi báo *Thanh Niên* [*Qing-nien*] của *Việt Nam Cách Mệnh Thanh Niên Đồng Chí Hội* (VNKMTNĐCH) ra mắt ngày 21/ 6/1925, trước dịp giỗ đầu Phan Đài (7/7/1925, tức 18/5 Ất Sửu). Côn cũng tổ chức được những khóa huấn luyện chính trị cấp tốc cho các đoàn viên, và gửi về nội địa hoạt động, hay tiếp tục huấn luyện quân sự và chuyên nghiệp tại Trung Hoa và Nga. Hai cán bộ từ Trung Hoa được qua Nga huấn luyện đầu tiên là Trần Phú và Lê Huy Doãn. Tài liệu truyền khẩu còn cho biết Chu Ân Lai, Lưu Thiểu Kỳ, Lý Phú Xuân, Bành Bái từng tới diễn thuyết ở lớp huấn luyện chính trị Thanh Niên ở Quảng Đông—nhưng không đáng tin hơn bất cứ loại “hearsay evidence” nào. (89)

89. Xem, chẳng hạn, Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars, 1950-1975* (Chapel Hill, NC: North Carolina Univ Press, 2000), p 10; Hoàng Văn Hoan,

Sự hiện diện của Côn tại Quảng Châu thu hút đủ loại Mật Thám Pháp —kể cả Trần Đức Quý, nhân vật quen thuộc với cộng đồng Việt kiều ở Hoa Nam. Dầu vậy, chỉ trong vòng hơn ba tháng, Côn đã xâm nhập cộng đồng người Việt, và nhiều lần trao đổi ý kiến về cách mạng với Phan Bội Châu, lúc ấy đang sống ở Hàng Châu, Chiết Giang—qua ít nhất hai lá thư mà Cảnh sát Quảng Châu tịch thu được ngày 31/1/1929, và đặc biệt qua trung gian Hồ Bá Cự, bí danh Hồ Tùng Mậu, được Phan Bội Châu coi như thân tín. Từ tháng 1/1925, Nguyễn Công Viễn (?1897-1945), tức Lâm Đức Thụ, một cộng sự viên thân cận khác của cả Phan Bội Châu và Hồ Bá Cự, nhưng làm việc cho Mật thám Pháp với bí danh “Pinot,” đã nộp cho an ninh Pháp ở Hong Kong hình ảnh Lý Thụy. Pinot còn tích cực tiếp tay Lý Thụy tổ chức hạt nhân đầu tiên của *Đảng Cộng Sản Việt Nam*, tức *Hội Việt Nam Thanh Niên Kách Mệnh Đồng Chí*, với cơ quan ngôn luận là tuần báo *Thanh Niên*, ra mắt ngày 21/6/1925. Nguyễn Công Viễn cũng trở thành một huấn luyện viên trong những lớp huấn luyện cán bộ tuyển mộ từ Xiêm hay nội địa Việt Nam—giúp mở mắt và chuyên tim từ lồng ngực trái sang phải.các cán bộ giác ngộ.

Năm 1925, **Lý Thụy** và **Liêu Trọng Khải**, một người Mỹ gốc Hoa, thân cận của Tôn Dật Tiên, vài Borodin, còn thành lập **Á Tế Á Bị Áp Bức Dân Tộc Liên Hợp Hội**. Giữa thời điểm này, ngày 12/3/1925, Dật Tiên chết vì ung thư gan ở Bắc Kinh. Tháng 5/1925, Hồ Hán Dân [Hu Han-min] định không chế chính phủ Quảng Châu. Borodin bèn lập liên minh Uông Tinh Vệ [Wang Jingwei], Liêu Trọng Khải, và Tưởng Giới Thạch lật đổ Hồ Hán Dân.

Ngày 30/5/1925, phong trào **Ngũ Táp** cũng bột khởi: Công nhân cùng học sinh, sinh viên biểu tình chống Nhật giết chết một công nhân dệt ở Thượng Hải trước đó nửa tháng. Bri-tên thẳng tay đàn áp. Phong trào bài ngoại bùng nổ. Ngày 23/6/1925, Bri-tên và Pháp giết chết 50 người biểu tình ở Canton, Đình công, bãi thị lan tràn từ Hong Kong tới Quảng Châu. Ngày 13/6/1925, Tưởng Giới Thạch, dưới sự cố vấn của Galin (Vasilij Bljukher), chiếm Canton. Hai ngày sau, 15/6, BCH/TW THQDD họp, bầu ra BCT do Dật Tiên chỉ định ngày còn sống ở Bắc Kinh. Cuối tháng 6/1925, Uông Tinh Vệ lên làm Chủ tịch BCT và Tổng lý chính phủ. Liêu Trọng Khải nắm thực quyền. Hồ Hán Dân được chức Ngoại trưởng vô quyền lực. **Tháng 8/1925, Khải bị đâm chết**. Dân bị nghi là chủ mưu].

Thời gian này, Krestintern lại chỉ thị Côn liên lạc với phong trào nông hôi Quảng Đông. Côn dành nhiều thì giờ tại Lục Hải Phong, và có dịp làm quen một số cán bộ Trung Cộng. (90)

90. Hai tài liệu xác nhận công tác Côn được giao phó là **RC 531- Box 1-22, p. 37** [*Krestintern assigned Con the role of communicating with the Chinese Guomindang government on the peasants' issues. Con spent considerable time on the peasants movements in Guang-dong*]; và **RC 535- Box 1-29, p. 111** [*August 4, 1925: Krestintern assigned Con the responsibility of peasants' union in the colonies*] Trần Văn Hưng, 2000, No. 8, p. 51.

Việc điều khiển tổ chức Thanh Niên, kể cả việc huấn luyện cán bộ trong nước giao cho bộ ba Hồ Bá Cự, Nguyễn Công Viễn và Lê Văn Phan. Năm 1926, vì

muốn học tiếng Quảng Đông mau chóng, và nhất là có người chăm sóc, Côn cưới một nữ y tá bản xứ, tên Tăng Tuyết Minh (1905-1991). Vợ chồng Nguyễn Công Viễn đứng ra mai mối, vì Tuyết Minh là bạn học của vợ Viễn, Lương Huệ Quân. Tuyết Minh theo đạo Ki-tô từ thuở lọt lòng. Năm 1918, theo chị là Tuyết Thanh, một nữ y sĩ sản khoa, học đỡ đẻ. Năm 1923, tới Phiên Ngụ, học Cao đẳng tiểu học. Vì Tuyết Thanh đột ngột từ trần, Tuyết Minh vào trường hộ sinh Quảng Châu. Tốt nghiệp tháng 6/1925, làm việc tại trạm y tế La Tú Vân. Tháng 10/1926, vợ chồng Nguyễn Công Viễn giới thiệu Tuyết Minh với Côn. Nhờ vậy, năm 1928, Côn có dịp viết thư tình cho vợ, nhưng không đến tay Tuyết Minh, mà lọt vào kho lưu trữ Mật Thám Pháp [*Service de Protection du Corps Expeditionnaire, SPCE*]. (91)

91. “Lettre de Canton, Mission Noel;” Rapport d’ Agent Pinot, 18 Oct. 1926; CAOM (Aix), HCF, *SPCE 368, d. 1116*; Renseignements fournis par Lesquendieu au sujet de Tuyen Minh, Hanoi, 28 Oct 1931; *Ibid.*, *SPCE 367*; William J Duiker, *Ho Chi Minh*, (NY: Hyperion, 2000), pp. 198-99, 247. Pierre Brocheux, *Ho Chi Minh: Du révolutionnaire à l’icône* (Paris: 2003), pp. 71-72; Daniel Hémery, *Ho Chi Minh: De l’Indochine au Vietnam* (Paris: Gallimard, 1990), pp 63, 145;

Phụ Bản XVIII-1 **HAI BÀI VIẾT VỀ NGUYỄN ÁI QUỐC** **TRÊN YSHI PAO Ở THIÊN TÂN TRUNG HOA:**

Loạt bài này đều đặt chung dưới tựa “Thông tin đặc biệt từ Paris: Vấn đề tự trị An Nam từ ngày đại diện An Nam tới Paris.” Tất cả chia làm 3 phần: Đại cương về phong trào độc lập; bản thỉnh nguyện thư 18/6/1919, và phỏng vấn Nguyễn Ái Quốc.

Đại cương về phong trào độc lập

Đặc phái viên Mỹ của Yshi Pao tường thuật rằng từ ngày khai mạc hội nghị hòa bình Versailles, một đại diện An Nam là Nguyễn Ái Quốc đã từ Mỹ tới Paris tiếp xúc các phái đoàn Đông Minh, nhưng không mấy thành công. Nguyễn Ái Quốc gặp được một số chính khách và Dân biểu Pháp, thuyết phục họ rằng nền độc lập của An Nam rất quan trọng cho nền hòa bình của các quốc gia Viễn Đông.

Chính quyền Đông Dương của Pháp chẳng bao giờ thực thi những nguyên tắc tự do và nhân đạo thiết thân của dân tộc này. Về chính trị, viên chức Pháp áp dụng thể chế độc tài (despotisme), qua chính sách giáo dục công lập ngu dân (obscurantisme); về kinh tế-tài chính, chính quyền thuộc địa Pháp chỉ bòn rút tài nguyên Đông Dương để làm giàu cho mình; chính quyền ấy đã đặt ra những hạn chế tự do tư tưởng và ngôn luận, khiến cảm hứng được độc lập của người An Nam bị loại bỏ. Trong khi đó người An Nam

không ngừng đổ máu cho lý tưởng này và, trong mùa Xuân vừa qua, những cuộc giao chiến đáng lo âu xảy ra ở biên giới phía bắc Bắc Kỳ. (a) a. Có lẽ Nguyễn Ái Quốc nhắc đến cuộc nổi dậy của Đội Trịnh Văn Cấn ở Thái Nguyên năm 1917.

Ngay tại Pháp, không kể đến các binh sĩ và công nhân, số sinh viên An Nam lên tới hàng trăm. Một phú gia Việt họ Phan [Văn Trường] từ ngày chiến tranh bùng nổ đã tiếp xúc với giới sinh viên. “Trong buổi đàm thoại kéo dài với [Phan],” tác giả bài báo viết, “tôi cảm thấy tuổi tác chưa đủ làm phai nhạt nhiệt tình của ông.”

Theo ý kiến chung của những nhà cách mạng An Nam, sứ mệnh [giành độc lập] của họ khó khăn gấp bội người Triều Tiên.

Thứ nhất, sự chiếm đóng của Pháp đã kéo dài khá lâu, nên đã bắt rễ sâu tại Đông Dương, và hiện nay chẳng ai có thể gây nguy hại cho chế độ bảo hộ Pháp; bởi vậy những vận động của các nhà cách mạng trong thời bình hay sự nổi dậy của họ trong thời gian thế chiến chẳng nhận được sự giúp đỡ đáng kể nào [n’ont-ils trouvé aucun appui sérieux].

Thứ hai, sau 40-50 năm nhồi sọ [abrutis] với lối giáo dục Pháp, người Việt chỉ còn biết qui phục toàn vẹn và mất tất cả khả năng [ont perdu tout dissernement] đến độ người ta có cảm tưởng rằng, mặc dù có những hăng say của một thiểu số, việc đòi lại độc lập rất mong manh [précaire].

Thứ ba, do sự căm đoán của các viên chức thực dân Pháp, người An Nam mất cả sức phản kháng [ressort].

Thứ tư chính sách kinh tế của Pháp khiến cuộc sống ở Đông Dương vô cùng khó khăn; dân chúng làm việc cực nhọc mà không đủ ăn; bởi thế họ không còn thì giờ rảnh rỗi để mơ tưởng đến việc đòi lại độc lập.

Vì những lý do trên, việc đòi độc lập của người An Nam khó khăn hơn những dân tộc khác. Những tín đồ cho lý tưởng độc lập mong muốn, như bước đầu tiên hướng về sự giải phóng [l’affanchissement], được hưởng tất cả những quyền liên hệ đến tự do giáo dục và ngôn luận, để có thể khai sáng dân tộc và tiếp đó làm việc để thực hiện tự chủ, rồi độc lập. Họ hiểu rõ rằng tình hình Đông Dương khác với Triều Tiên nên các phương tiện tranh đấu cũng phải khác biệt đôi chút. . . .

Sau khi tới Paris, Nguyễn Ái Quốc, người đã nhận sứ mệnh từ tổ chức **An Nam Quốc Dân Đoàn**, trao cho nhiều chính khách quan trọng bản thỉnh nguyện sau đây và liên hệ chặt chẽ với cánh tả của Quốc Hội (Pháp). (b)

b. Theo mật báo viên “Quần Lâm”—một thượng sĩ thông ngôn gốc Nam Định—Kim hứa giúp thông dịch qua chữ Hán bản thỉnh nguyện của nhóm Nguyễn Ái Quốc để sẽ phổ biến trên báo chí tại Trung Hoa, và cung cấp cho Quốc ít số nguyệt san *Korea Review* bằng Mỹ ngữ. Quốc cũng liên hệ với một y sĩ người Hoa làm việc cho Bộ Tư pháp ở Bắc Kinh. (c).

c. CAOM (Aix), SLOTFOM, Séries III, d. 1; SPCE 364.

Kết từ:

Trong những thập niên tới—khi các văn khố hoàn toàn mở rộng—chúng ta mới có thể biết rõ ai là người Việt đầu tiên đã đến Mỹ và tiếp cận với nền chính trị Mỹ. Cách nào đi nữa, Bùi Viện khó thể là nhân vật này. Tư liệu văn khố nhà Nguyễn và Liên bang Mỹ hoàn toàn im lặng về “hai chuyến” qua Mỹ của Bùi Viện trong các dã sử cổ tích. Văn khố Pháp và Hội truyền giáo cũng chưa có phát hiện nào. Sự so sánh các nguồn tư liệu cũng như chính sách ngoại giao của Nguyễn Phước Thời từ 1870 tới 1878 còn loại bỏ mọi khả năng Bùi Viện đã tới Mỹ. Cho tới khi có tài liệu chứng minh ngược lại, việc Bùi Viện qua Mỹ, gặp Tổng thống Grant, chỉ là một huyền thoại—được hoang tưởng do một mục tiêu nào đó.

Nguyễn Sinh Côn—dưới bí danh Paul Thành, rồi Nguyễn Ái Quốc—có thể là người đầu tiên đến Mỹ, và chắc chắn là người đầu tiên nghiên cứu hệ thống chính trị Mỹ. Sự tham chiến của Mỹ tại Âu châu từ năm 1917, chủ thuyết “tự trị” của Tổng thống Wilson và chuyến thăm cựu lục địa của Wilson ít nhiều ảnh hưởng trên Nguyễn Ái Quốc và Phan Văn Trường.

Phần tư thế kỷ sau, Nguyễn Ái Quốc—với bí danh Hồ Chí Minh—thực sự móc nối được với cơ quan tình báo chiến lược (OSS) Mỹ, được tặng bí danh “Lucius,” rồi bước vào Hà Nội giữa cao trào cách mạng 1945. (d)

*d. Vũ Ngự Chiêu, “Political and Social Change in Vietnam Between 1940 and 1946,” Ph.D. Dissertation, Univ. of Wisconsin-Madison, Dec 1984, Parts II & III; Idem., “The End of An Era: The Empire of Vietnam (April-August 1945),” *Journal of Asian Studies*, Vol. XLV, No. 2 (Feb 1986), pp. 293-328; David G Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley, CA: California Univ. Press, 1995), pp. 279-89. Xem thêm US Senate, *Hearings* (1972), (1973:243-71, *Deer Team*); hồi ký Charles Fenn, (1973:73-5), Archimedes L A Patti (1980:56); Hoàng Văn Hoan (1987:243-46); Phùng Thế Tài (2002:57-94).*

Mặc dù Liên bang Mỹ đã chọn thái độ “handsoff” [không can thiệp] khi liên quân Pháp-Bri-tên khởi đầu cuộc tái xâm lăng Việt Nam từ 22-23/9/1945, nhưng phía sau hậu trường chính trị quốc tế, “những người bạn rừng xanh” của Hồ Chí Minh đã ít nhiều giúp Hồ sống còn qua chế độ quân quản của Trùng Khánh tại miền Bắc năm 1945-1946, cũng như thiết lập sự chính thống cho chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, qua cuộc bầu cử quốc hội 1946 và bản Hiến Pháp 9/11/1946, và nhất là hai tạm ước ký với Pháp ngày 6/3/1946 và 14/9/1946—đồng thời có thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến kháng Pháp suốt 8 năm kế tiếp. Đáp lại, Hồ từng tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương, hiệu lực từ ngày 11/11/1945. (e)

*e. Chính Đạo, “Hiệp Ước Sơ Bộ 6/3/1946;” *Hợp Lưu* (Fountain Valley, CA), số 88 (4-5/2006), tr. 95-148; Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á: Kiện hay Không Kiện?*, 3 tập (Fountain Valley, CA: Hợp Lưu, 2015-2016), I:7-22, III:7-31.*

Nhưng chính sách lấy Âu Châu làm ưu tiên hàng đầu, sự ưu thắng của chủ nghĩa Cộng Sản tại Đông Âu và các cựu thuộc địa trong giai đoạn hậu

chiến, rồi đến sự thất bại của chế độ Tưởng Giới Thạch tại Hoa lục và cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) khiến Liên Bang Mỹ bị cuốn vào cuộc chiến tranh lạnh Tư Bản-Cộng Sản do Winston Churchill đề xướng. Liên hệ Việt-Mỹ biến hóa dần từ thân hữu qua thù nghịch, vì Mỹ chủ trương yểm trợ các lực lượng “chống Cộng” mà người Pháp có thể qui tụ được, trong thí nghiệm Bảo Đại (1949-1955). Sau gần ba năm “nước còn tát được vẫn cứ tát,” Hồ chẳng còn lựa chọn nào khác hơn là gia nhập khối Cộng Sản Quốc Tế do Liên Xô Nga lãnh đạo, nhưng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Mao Trạch Đông và Lưu Thiệu Kỳ. Mãi tới năm 1995, Liên Bang Mỹ và Việt Nam mới cùng gác chuyện quá khứ, nối lại bang giao. Chuyến viếng thăm Việt Nam của Tổng thống Barack Obama giữa cơn sốt biển Đông Nam Á năm 2016—Tập Cận Bình [Xi Jin-ping] và bầy tội phạmchiến tranh, quân phiệt Trung Nam Hải [Zhongnanhai] đang cướp chiếm Trường Sa, bản án trước Tòa Trọng Tài Quốc Tế [PCA] The Hague của Phi-lip-pin đang thắt nút—khép lại những trang cuối của thời kỳ thù nghịch.

Nhưng hiểm họa Trung Cộng ngày một đe dọa. Thế giới như chừng đang đối diện một cuộc Thế Chiến thứ ba.